

Bồ Tát Bản Hạnh Kinh

BO TAT BAN HANH KINH Q 01.

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION

<http://www.daitangvietnam.com>

**Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn
Hiển Trần Tiến Huyền Phiên Âm.**

Phật Tử Bùi Đức Huê dịch tiếng Việt 1/2012.

=====

=====

Taisho Tripitaka Vol. 3, No. 155 菩薩本行經

**# Taisho Tripitaka Vol. 3, No. 155 Bồ Tát
Bản Hạnh Kinh**

No. 155

佛說菩薩本行經卷上

**Phật thuyết Bồ Tát Bản Hạnh Kinh quyển
thượng.**

**Phật nói Kinh Hạnh gốc của Bồ Tát quyển
đầu.**

失譯人名今附東晉錄

Thất dịch nhân danh kim phụ Đông Tấn lục.

聞如是。一時佛在舍衛國祇樹給孤獨園。

Văn như thị. Nhất thời Phật tại Xá-Vệ quốc Kì-Thụ Cấp-Cô-Độc viên.

Nghe như thế. Một thời Phật ở trong vườn Kì Thụ Cấp Cô Độc nước Xá Vệ.

爾時世尊見諸沙門。身心懈怠不勤精進。

Nhĩ thời Thế Tôn kiến chư Sa-môn. Thân tâm giải đãi bất cần Tinh-tiến.

Khi đó Thế Tôn nhìn thấy các Sa Môn. Thân tâm lười nhác không chuyên cần Tinh tiến.

告阿難言

:

夫懈怠者眾行之累。居家懈怠則衣食不供產業不舉。

Cáo A-nan ngôn : Phu giải đãi giả chúng hành chi luy. Cư gia giải đãi tắc y thực bất cung sản nghiệp bất cử.

Bảo A Nan nói rằng : Người đàn ông lười nhác, các hành động mệt mỏi. Người ở gia đình lười nhác, chắc là không cung cấp quần áo thức ăn, không tăng cao sản nghiệp.

出家懈怠不能出離生死之苦。一切眾事皆由精進而得興起。

Xuất gia giải đãi bất năng xuất ly sinh tử chi khổ. Nhất thiết chúng sự giai do Tinh-tiến nhi đắc hưng khởi.

Người Xuất gia lười nhác, không thể ra khỏi khổ sinh chết. Tất cả mọi việc đều do Tinh tiến mà được phát triển mạnh.

在家精進衣食豐饒。居業益廣遠近稱歎。

Tại gia Tinh-tiến y thực phong nhiêu. Cư nghiệp ích quảng viễn cận xưng thán.

Ở trong gia đình Tinh tiến quần áo thực phẩm nhiều. Nghiệp ở nhà ích lợi, khắp nơi xa gần đọc nói ca ngợi.

出家精進行道皆成。欲得具足三十七品。

Xuất gia Tinh-tiến hành đạo giai thành. Dục đắc cụ túc Tam thập thất phẩm.

Xuất gia Tinh tiến hành Đạo đều thành công. Muốn được đầy đủ 37 phẩm trợ Đạo Pháp.

諸禪三昧道法之藏。截生死流至泥洹岸無爲安樂。

**Chư Thiên Tam-muội Đạo-pháp chi tạng.
Tiệt sinh tử lưu chí Nê-hoàn Ngạn Vô-vi an
lạc.**

**Các Thiên Tam Muội Tạng của Đạo Pháp.
Cắt bỏ dòng chảy sinh chết, tới được Thanh
tịnh Niết Bàn Rõng Lặng yên vui.**

當勤精進勤修爲本。欲得六度無極四等四恩。

**Đương cần Tinh-tiến cần tu vi bản. Dục đắc
Lục-độ vô-cực, Tứ-đẳng, Tứ-ân.**

**Nên chuyên cần Tinh tiến, chuyên cần tu
hành là gốc. Muốn được 6 Pháp tới Niết Bàn,
4 Bình đẳng, 4 Ân.**

如來十力四無所畏。十八不共特異之法。六通三達成
一切智。

**Như Lai Thập-lực Tứ vô-sở-úy. Thập bát bất
cộng đặc dị chi Pháp, Lục-thông Tam-đạt
thành Nhất thiết Trí.**

**Mười lực, 4 Không sợ hãi của Như Lai. Mười
tám không cùng Pháp đặc biệt khác lạ, 6
Thần thông, 3 thông suốt, thành công Tất cả
Trí tuệ.**

欲得具足三十二相八十種好。嚴淨國土教化眾生。

Dục đắc cụ túc Tam thập nhị Tướng bát thập chủng Hảo. Nghiêm tịnh Quốc thổ giáo hóa chúng sinh.

Muốn được đầy đủ 32 Tướng, 80 Diện mạo tốt đẹp. Đất Phật trang nghiêm Thanh tịnh, giáo hóa chúng sinh.

皆由精進而得成辦。佛告阿難！

Giai do Tinh-tiến nhi đắc thành biện. Phật cáo A-nan !

Đều do Tinh tiến mà được thành công. Phật bảo A Nan !

乃往過去無央數劫時。有五百長者子。

Nãi vãng Quá-khứ vô ương số Kiếp thời. Hữu ngũ bách Trưởng-giả tử.

Trở lại thời Quá-khứ vô lượng số Kiếp. Có 500 con trai của Trưởng giả.

設施大壇豎立大幡擊鼓宣令。沙門婆羅門貧窮乞匄。

Thiết thí đại đàn thụ lập đại phan kích cổ tuyên linh. Sa-môn Bà-la-môn bần cùng khất cái.

Làm đàn Bồ thí lớn, treo cờ lớn đánh trống kêu gọi. Sa Môn, Bà La Môn người ăn xin bản cùng.

悉當惠與。五百長者子。各出珍寶象馬車乘衣被飲食。

Tất đương huệ dữ. Ngũ bách Trưởng-giả tử. Các xuất trân bảo tượng mã xa thừa y bị ẩm thực.

Đều cần ban cho ân huệ. Năm trăm con trai của Trưởng giả. Họ ban cho châu báu, voi ngựa xe quý, quần áo chần ấm, đồ ăn uống.

各隨所乏悉皆與之。時有一貧人周行諸國至此國中。 Các tùy sở phạp tất giai dữ chi. Thời hữu nhất bản nhân châu hành chư quốc chí thử quốc trung.

Theo ý muốn của họ đều ban cho tất cả. Thời có một người nghèo đi vòng quanh các nước tới ở trong nước này.

見五百長者子施立大壇賑窮濟乏周救一切無所遺惜。 Kiến ngũ bách Trưởng-giả tử thí lập đại đàn chần cùng tế phạp châu cứu nhất thiết vô sở di tích.

Nhìn thấy 500 con trai của Trưởng giả, làm đàn lớn cung cấp cho người nghèo thiếu, cứu giúp khắp tất cả không có nuối tiếc.

而問之言：汝等布施所作功德求何等願？即便答言：

Nhi vấn chi ngôn：Nhữ đẳng Bồ-thí sở tác công Đức cầu hà đẳng nguyện？Tức tiện đáp ngôn：

Mà hỏi nói rằng：Các ngài Bồ thí làm được công Đức, cầu nguyện cái gì？Tức thời liền trả lời nói rằng：

持此功德欲求佛道。爾時貧人重復問曰：

Trì thử công Đức dục cầu Phật Đạo. Nhĩ thời bản nhân trùng phục vấn viết：

Dem công Đức này muốn cầu Đạo Phật. Khi đó người nghèo hỏi lại nói rằng：

何謂佛道其法云何？諸長者子而答之言：夫佛道者。

Hà vị Phật đạo kỳ Pháp vân hà？Chư Trưởng-giả tử nhi đáp chi ngôn：Phu Phật đạo giả.

Thế nào gọi là Đạo Phật, Pháp đó ra sao？Các con trai của Trưởng giả liền trả lời nói rằng：Đạo của người Trượng phu.

過於羅漢辟支佛上。三界特尊天人之師。無量大慈無極大哀。

Quá ư La-hán Bích Chi Phật thượng. Tam-giới đặc tôn Thiên Nhân chi sư. Vô lượng Đại Từ vô cực Đại Ai.

Cao hơn so với La Hán, Bích Chi Phật. Ba Cõi giới tôn kính đặc biệt, Thầy của Trời Người. Đại Từ vô lượng, thương xót vô cùng lớn.

普愍五道眾生之類猶如赤子。教化一切悉令爲善。

Phổ mẫn Ngũ-đạo chúng sinh chi loại do như xích tử. Giáo hóa nhất thiết tất linh vi thiện.

Thương xót khắp cả các loại chúng sinh của 5 Đạo, giống như con nhỏ. Giáo hóa tất cả, đều giúp cho làm thiện.

斷絕眾生三塗之苦。度生死海使至泥洹安樂之處。

Đoạn tuyệt chúng sinh Tam-đô chi khổ. Độ sinh tử hải sử chí Nê-hoàn an lạc chi xứ.

Cắt đứt khổ 3 Đạo ác của chúng sinh. Độ thoát qua biển sinh chết, khiến cho tới được Thanh Tịnh Niết Bàn, nơi ở yên vui.

所謂佛者。諸惡永盡諸善普會。無復眾垢諸欲都滅。

Sở vị Phật giả. Chư ác vĩnh tận chư thiện phổ hội. Vô phục chúng cấu chư dục đô diệt.

Gọi là Phật giả. Các ác vĩnh viễn hết tận, các Thiện gặp thấy khắp nơi. Không trở lại các cấu bẩn, các ham Dục đều diệt trừ.

六度無極皆悉滿畢。以權方便隨時教化而無有極。

Lục-độ Vô-cực giai tất mãn tất. Dĩ quyền Phương-tiện tùy thời giáo hóa nhi vô hữu cực.

Sáu Pháp tới Niết Bàn đều đầy đủ tới cùng. Dùng quyền Phương tiện, theo thời giáo hóa mà không có hạn.

有十神力四無所畏十八不共奇特之法。三十七品道法之藏而無有極。

Hữu thập Thân-lực, Tứ Vô-sở-úy, Thập bát bát cộng kỳ đặc chi Pháp. Tam thập thất phẩm Đạo-pháp chi tạng nhi vô hữu cực.

Có 10 lực Thân, 4 không sợ hãi, 18 không cùng Pháp đặc biệt kỳ lạ. 37 Tạng trợ Đạo Pháp mà không có hạn.

身紫金色三十二相八十種好。

Thân tử kim sắc Tam thập nhị Tướng, Bát thập chủng Hảo.

Thân màu vàng tía, 32 Tướng, 80 diện mạo tốt đẹp.

六通清徹無所罣礙。前知無窮却觀無極。

Lục-thông thanh triệt vô sở quái ngại. Tiên tri vô cùng khước đổ vô cực.

Sáu Thần thông trong suốt không bị trở ngại. Biết phía trước vô cùng nhìn thấy sau vô hạn.

現在之事靡所不知。三達遐鑒顯于十句。有如此德。

Hiện tại chi sự mị sở bất tri. Tam-đạt hà giám hiển vu thập cú. Hữu như thử Đức.

Việc của hiện nay đều biết tất cả. Ba thông suốt chứng giám hiện rõ 10 câu. Có Đức này như thế.

故號爲佛也。諸長者子等。各各歎佛無量德行。悉皆如是。

Cố hiệu vi Phật dã. Chư Trưởng-giả tử đẳng, các các thán Phật vô lượng Đức hạnh. Tất giai như thị.

Cũng có tên hiệu là Phật. Các con của Trưởng giả, họ ca ngợi Đức hạnh vô lượng của Phật. Tất cả đều như thế.

於時貧人聞佛功德心自念言 :
我今亦欲學習此願廣度一切。

Ư thời bản nhân văn Phật công Đức tâm tự niệm ngôn : Ngã kim diệc dục học tập thử nguyện quảng độ nhất thiết.

Khi đó người nghèo nghe công Đức của Phật, tâm tự suy nghĩ nói rằng : Con nay cũng muốn học tập nguyện này, độ thoát tất cả.

加復貧窮無有財寶。當用何等而行布施？意自念言：
Gia phục bản cùng vô hữu tài bảo. Đương dụng hà đẳng nhi hành Bồ-thí ? Ý tự niệm ngôn :

Lại thêm nghèo khó không có tiền tài vật báu. Cần dùng cái gì mà làm Bồ thí ? Ý tự suy nghĩ nói rằng :

當持己身而用惠施。作是念已便行索蜜。

Đương trì kỷ thân nhi dụng huệ thí. Tác thị niệm dĩ tiện hành tác mật.

Cần đem thân mình mà dùng ban cho ân huệ. Làm lời nói như thế xong liền lấy mật đặc.

而用塗身臥於塚間。便作願言：

Nhi dụng đồ thân ngọa ư trủng gian. Tiện tác nguyện ngôn：

Mà quét lên thân nằm ở nơi gò đất cao. Liền làm ước nguyện nói rằng：

今我以身施與一切。若有須肉頭目髓腦。我悉與之。

Kim Ngã dĩ thân thí dĩ nhất thiết. Nhược hữu tu nhục đầu mục tủy não. Ngã tất dĩ chi.

Nay Con dùng thân ban cho tất cả. Nếu cần lấy thịt đầu mắt tủy não. Con đều ban cho.

持是功德用求佛道廣度一切。作是願已應時三千大千世界爲大震動。

Trì thị công Đức dụng cầu Phật đạo quảng độ nhất thiết. Tác thị nguyện dĩ ưng thời Tam-thiên Đại-thiên Thế giới vi đại chấn động.

Đem công Đức đó dùng để cầu Đạo Phật độ thoát khắp tất cả. Làm lời ước nguyện đó

xong, đúng lúc đó 3 nghìn Đại thiên Thế giới bị chấn động lớn.

諸天宮殿陂峨踊沒。時諸天人馳動惶懼。

Chư Thiên cung điện pha nga dũng một.

Thời chư Thiên Nhân trì động hoàng cực.

Các cung điện Trời núi cao sườn dốc mọc lên. Thời các người Trời hoảng sợ chạy tán loạn.

釋提桓因即以天眼觀閻浮提。見於菩薩在於塚間以身布施。

Thích-đề-hoàn-nhân tức dĩ Thiên nhân quan Diêm-phù-đề. Kiến ư Bồ-tát tại ư trủng gian dĩ thân Bồ thí.

Ngọc Hoàng Đế Thích tức thời dùng mắt cõi Trời quan sát Diêm Phù Đề. Nhìn thấy Bồ Tát ở nơi gò đất cao, dùng thân làm Bồ thí.

即便來下而欲試之。化作眾狗飛鳥走獸欲來食之。

Tức tiện lai hạ nhi dục thí chi. Hóa tác chúng cầu phi điều tẩu thú, dục lai thực chi.

Tức thì liền hạ xuống mà muốn thử xem. Hóa ra làm các đàn chó chim bay thú chạy, muốn tới ăn thịt.

於是菩薩而見眾狗諸飛鳥輩來噉其身。心便歡喜無有退轉傾動之意。

Ư thị Bồ Tát nhi kiến chúng cầu chư phi điều, bối lai đạm kỳ thân. Tâm tiện hoan hỉ vô hữu thoái chuyển khuynh động chi ý.

Khi đó Bồ Tát liền nhìn thấy đàn chó và chim bay, bọn chúng tới ăn thịt thân mình. Tâm liền vui mừng, không có ý thoái lui lay động.

於時天帝還復釋身而讚歎言：善哉善哉！甚奇難及。

Ư thời Thiên-đế hoàn phục Thích thân nhi tán thán ngôn：Thiện tai, thiện tai！Thậm kì nan cập.

Lúc đó Ngọc Hoàng trở lại thân Đế Thích của mình mà ca ngợi nói rằng：Thiện thay, thiện thay！Rất kỳ lạ khó theo kịp.

所作功德欲求何願？天帝梵王轉輪王乎？

Sở tác công Đức dục cầu hà nguyện？Thiên-đế Phạm-vương Chuyển luân Vương hô？

Làm được công Đức muốn cầu nguyện cái gì？Làm Ngọc Hoàng, Phạm Vương, Vua Chuyển luân chăng？

於是菩薩便起答言：

Ư thị BỒ Tát tiện khởi đáp ngôn：

Khi đó BỒ Tát liền đứng dậy trả lời nói rằng：

不求天帝轉輪聖王魔王梵王。亦不願求三界之樂。

**Bất cầu Thiên-đế Chuyển-luân Thánh-vương
Ma-vương Phạm-vương. Diệc bất nguyện cầu
Tam-giới chi lạc.**

**Không cầu làm Ngọc Hoàng, Chuyển luân
Thánh Vương, Ma Vương, Phạm Vương.
Cũng không nguyện cầu vui sướng của 3 Cõi
giới.**

今我至意欲求佛道。我既貧窮無有財寶可用布施。

**Kim Ngã chí ý dục cầu Phật đạo. Ngã ký bản
cùng vô hữu tài bảo khả dụng Bồ-thí.**

**Con nay ý chí muốn cầu Đạo Phật. Con đã
bản cùng không có tiền báu vật có thể dùng
Bồ thí.**

以身惠施用求佛道。廣度一切無量眾生。

**Dĩ thân huệ thí dụng cầu Phật đạo. Quảng độ
nhất thiết vô lượng chúng sinh.**

**Dùng thân Bồ thí ân huệ để cầu Đạo Phật. Độ
thoát rộng khắp tất cả vô lượng chúng sinh.**

爾時天帝釋無數諸天異口同音讚言：善哉，善哉！

Nhĩ thời Thiên-đế-thích, vô số chư Thiên di
khẩu đồng âm tán ngôn : Thiện tai, thiện tai !

Khi đó Ngọc Hoàng Đế Thích, vô số các
Trời, khác người cùng âm thanh ca ngợi nói
rằng : Thiện thay, thiện thay !

奇特難及。時天帝釋便說偈言：

Kì đặc nan cập. Thời Thiên-đế-thích tiện
thuyết kệ ngôn :

Kỳ lạ đặc biệt khó theo kịp. Khi đó Ngọc
Hoàng Đế Thích liền đọc bài kệ nói rằng :

欲求最勝道 不惜其軀命

Dục cầu tối thắng Đạo. Bất tích kỳ khu
mệnh.

Muốn cầu Đạo tối cao. Không tiếc thân mệnh
mình.

棄身如糞土 解了無吾我

Khí thân như phẩn thổ. Giải liễu vô Ngô Ngã.

Bỏ thân như bùn đất. Hiểu không có Tôi Ta.

雖用財寶施 此事不爲難

Tuy dụng tài bảo thí. Thử sự bất vi nan.

Tuy cho tiền tài vật. Việc này không là khó.

勇猛如是者 精進得佛疾

Dũng mãnh như thị giả. Tinh-tiến đắc Phật tât.

Người dũng mãnh như thế. Tinh tiến nhanh thành Phật.

時天帝釋語菩薩言：

Thời Thiên-đế-thích ngữ Bồ-tát ngôn：

Thời Ngọc Hoàng Đế Thích bảo với Bồ Tát nói rằng：

汝大勇猛精進難及過踰。於此五百菩薩所施者。

Nhữ đại dũng mãnh Tinh-tiến nan cập quá du. Ư thử ngũ bách Bồ-tát sở thí giả.

Ngài rất dũng mãnh Tinh tiến khó theo kịp vượt qua. Với 500 Bồ Tát này làm được Bồ thí.

上百千億倍不可計倍。當先在前而得作佛。

Thượng bách thiên ức bội bất khả kế bội. Đương tiên tại tiền nhi đắc tác Phật.

Gấp bội trăm nghìn vạn triệu lần không thể tính được. Cần trước tiên ở phía trước mà được làm Phật.

帝釋諸天以天香花。而散其上歡喜而去。佛告阿難！

Đế-thích chư Thiên dĩ Thiên hương hoa. Nhi tán kỳ thượng hoan hỉ nhi khứ. Phật cáo A-nan !

Ngọc Hoàng các Trời dùng hương hoa cõi Trời. Mà rắc lên trên vui mừng mà ra đi. Phật bảo A Nan !

爾時貧人者今我身是。五百長者子。

Nhĩ thời bần nhân giả kim Ngã thân thị. Ngũ bách Trưởng-giả tử.

Thời đó người bần cùng, nay là thân của Ta. Năm trăm con trai của Trưởng giả.

今此彌勒五百菩薩是。我以精進勇猛之故。

Kim thử Di Lạc ngũ bách Bồ-tát thị. Ngã dĩ Tinh-tiến dũng mãnh chi cố.

Nay là 500 Bồ Tát của Di Lạc này. Ta do vì Tinh tiến dũng mãnh.

超諸菩薩所作功德而先成佛。

Siêu chư Bồ-tát sở tác công Đức nhi tiên thành Phật.

Vượt qua các Bồ Tát có làm công Đức mà thành Phật trước.

Bồ Tát Bản Hạnh Kinh

精進勤修不可不逮也。菩薩布施如是。於是阿難及諸比丘。

Tinh-tiến cần tu bất khả bất đãi dã. Bồ-tát Bồ-thí như thị. Ư thị A-nan cập chư Tì-kheo.

Tinh tiến chuyên cần tu hành, cũng không thể không nắm lấy. Bồ Tát Bồ thí như thế. Khi đó A Nan cùng với các Tì Kheo.

聞佛所說莫不歡喜。爲佛作禮。各各精進修建道行。

Văn Phật sở thuyết mạc bất hoan hỷ. Vì Phật tác lễ. Các các Tinh-tiến tu kiến Đạo-hạnh.

Nghe được Phật nói tất cả đều vui mừng. Vì Phật làm lễ. Từng người Tinh tiến tu hành thiết lập Hạnh Đạo.

聞如是。一時佛在舍衛國祇樹給孤獨園。

Văn như thị. Nhất thời Phật tại Xá-Vệ quốc Kì-Thụ Cấp-Cô-Độc viên.

Nghe như thế. Một thời Phật ở trong vườn Kì Thụ Cấp Cô Độc nước Xá Vệ.

有一居士財富無數。所有珍寶多於王藏。

Hữu nhất Cư-sĩ tài phú vô số. Sở hữu trân bảo đa ư Vương tạng.

Có một Cư Sĩ tiền tài vật nhiều vô số. Có được vật báu nhiều như kho tàng của Vua.

字摩訶男摩。爲人慳貪不敢衣食不知布施。

Tự Ma-ha-nam-ma. Vi nhân xan tham bất cảm y thực bất tri Bồ-thí.

Tên là Ma Ha Nam Ma. Là người tham lam keo kiệt không dám ăn mặc không biết Bồ thí.

若行出時乘朽故車。結草爲蓋著弊故衣。

Nhược hành xuất thời thừa ô cố xa. Kết thảo vi cái trước tệ cố y.

Nếu khi đi ra ngoài ngồi trên xe của thợ xây. Tết cỏ thành mũ mặc áo cũ bản.

食鬱陳穀未曾美食。食便閉門。

Thực uất trần cốc vị tăng mỹ thực. Thực tiện bế môn.

Ăn gạo hôi mốc chưa từng ăn ngon. Ăn liền đóng cửa.

時病困篤遂便喪亡。又無子息。所有財寶。

Thời bệnh khốn đốc toại tiện tang vong. Hựu vô tử tức. Sở hữu tài bảo.

Lúc bệnh mệt mỏi hết sức, liền bỏ mệnh. Mà lại không có con trai. Tiền tài vật có được.

波斯匿王盡奪收去。己身妻女不蒙其恩。

Ba-tư-nặc Vương tận đoạt thu khứ. Kỳ thân thê nữ bất mộng kỳ ân.

Vua Ba Tư Nặc đến đoạt thu hết cả. Bản thân vợ con gái không được ân đó.

波斯匿王往至佛所。稽首佛足却坐常位問世尊言：

Ba-tư-nặc Vương vãng chí Phật sở. Khể thủ Phật túc khước tọa thường vị vấn Thế Tôn ngôn：

Vua Ba Tư Nặc tới nơi Phật ở. Đĩnh lễ Phật xong, lui ra ngồi nơi thường ngày, hỏi Thế Tôn nói rằng：

國有居士名摩訶男摩。爲人慳貪不肯布施不知衣食。

Quốc hữu Cư-sĩ danh Ma-ha Nam-ma. Vi nhân xan tham bất khảng Bồ-thí bất tri y thực.

Nước có Cư Sĩ tên là Ma Ha Nam Ma. Là người tham lam keo kiệt không làm Bố thí không biết ăn mặc.

今者已死生於何道？佛告王曰：

Kim giả dĩ tử, sinh ư hà Đạo ? Phật cáo Vương viết :

Ngày nay đã chết, sinh ở trong Đạo nào ? Phật bảo Vương nói rằng :

墮於盧獮地獄之中。數千萬歲受眾苦痛。

Đọa ư Lô-cát Địa-ngục chi trung. Số thiên vạn tuế thụ chúng khổ thống.

Đọa xuống ở trong Địa ngục Lô cát. Nhận các khổ đau, số nghìn vạn năm.

從地獄中出當墮餓鬼。晝夜飢渴身常火燃。

Tòng Địa-ngục trung xuất đương đọa Nga-quỷ. Trú dạ cơ khát thân thường hỏa nhiên.

Ra khỏi Địa ngục đang đọa xuống Quỷ đói. Ngày đêm đói khát, thân thường bị lửa thiêu đốt.

百千萬歲初不曾聞水穀之名。王聞佛說心驚毛豎。

Bách thiên vạn tuế sơ bất tăng văn thủy cốc chi danh. Vương văn Phật thuyết tâm kinh mao thụ.

Trăm nghìn vạn năm, mới đầu chưa từng nghe tên của nước ngũ cốc. Vua nghe Phật nói tâm sợ hãi, lông dựng ngược.

悲泣哽咽不能自勝。佛告王曰：

Bi khắp ngạnh yết bất năng tự thẳng. Phật cáo Vương viết：

Bi thương rơi lệ cổ tắc lại, không thể tự hơn được. Phật bảo Vua nói rằng：

夫爲智者能捨慳貪行於布施。現世獲祐後世受福。

Phu vi Trí giả, năng xả xan tham hành ư Bố-thí. Hiện thế hoạch hữu hậu thế thụ Phúc.

Đàn ông là người Trí tuệ, cần buông bỏ tham lam keo kiệt làm Bố thí. Đời hiện nay thu nhận được Thần giúp, đời sau nhận được Phúc.

昔過去世此閻浮提有大國王。名迦那迦跋彌。

Tích Quá-khứ thế thử Diêm-phù-đề hữu Đại Quốc-vương. Danh Ca-na Ca-bạt-di.

Đời Quá khứ xa xưa Diêm Phù Đề này có Quốc Vương lớn. Tên là Ca Na Ca Bạt Di.

爲人慈仁典閻浮提。八萬四千諸小國王。

Vi nhân Từ nhân điển Diêm-phù-đề. Bát vạn tứ thiên chư tiểu Quốc-vương.

Là người nhân Từ mẫu mực ở Diêm Phù Đề. Tám vạn 4 nghìn các Quốc Vương nhỏ.

有萬大臣二萬嫫女一萬夫人。人民興盛。

Hữu vạn đại thần nhị vạn cung nữ nhất vạn phu nhân. Nhân dân hưng thịnh.

Có một vạn đại thần, 2 vạn cung nữ, 1 vạn phu nhân. Nhân dân hưng thịnh.

時火星運現。太史占之。當旱不雨經十二年。

Thời Hỏa tinh vận hiện. Thái-sử chiêm chi dương hạn bất vũ kinh thập nhị niên.

Lúc đó vận sao Hỏa hiện ra. Thái Sử xem đoán rằng sẽ hạn hán, phải trải qua 12 năm không có mưa.

太史白王。星運變現舉閻浮提。

Thái-sử bạch Vương. Tinh vận biến hiện, cử Diêm-phù-đề.

Thái Sử báo cáo Vua. Vận sao biến hiện, cử động Diêm Phù Đề.

十二年中當旱不雨。若不雨者則五穀不收。

Thập nhị niên trung đương hạn bất vũ. Nhược bất vũ giả tắc ngũ cốc bất thu.

Trong 12 năm sẽ hạn hán không mưa. Nếu không có mưa chắc là lúa gạo không có thu hoạch.

人民飢餓國欲大荒。當云何耶？時王聞之大用愁憂。

Nhân dân cơ nọ quốc dục đại hoang. Đương vân hà da? Thời Vương văn chi đại dụng sầu ưu.

Nhân dân đói khát, Đất nước biến thành hoang mạc lớn. Nên làm thế nào? Lúc đó Vua nghe xong rất là ưu sầu.

即勅群臣召八萬四千諸小國王，盡來集會。

Tức sắc quần thần triệu bát vạn tứ thiên chư tiểu Quốc-vương tận lai tập hội.

Tức thì ra lệnh cho quần thần, mời hết 8 vạn 4 nghìn Vua nước nhỏ tới tham dự hội nghị.

盡皆條疏人民口數。又疏現穀多少斛斗。

Tận giai điều số nhân dân khẩu số. Hựu số hiện cốc đa thiếu học đầu.

Tất cả đều khai báo số nhân khẩu. Lại khai báo hiện nay có bao nhiêu đầu gạo.

不問男女豪貴貧賤大小。計人并計日。日與一升粟不得長食。

Bất vấn nam nữ hào quý bản tiện đại tiểu. Kế nhân tinh kế nhật. Nhật dĩ nhất thăng túc bất đắc trường thực.

Không hỏi nam nữ sang hèn giàu nghèo lớn nhỏ. Tính toán số người gồm tính cả ngày. Ngày cho một thăng không được ăn lúa gạo lâu dài.

群臣諸王皆悉受教各還本國。宣令所局悉皆如是。

Quần thân chư Vương giai tất thụ giáo các hoàn bản quốc. Tuyên linh sở cục tất giai như thị.

Quần thân các Vua tất cả đều nhận lời dạy, họ trở về nước cũ. Nói đọc ở khắp nơi, tất cả đều như thế.

從是已後天旱不雨。不耕不種無有米穀。

Tòng thị dĩ hậu Thiên hạn bất vũ. Bất canh bất chủng vô hữu mễ cốc.

Từ đó về sau Trời hạn không có mưa. Không cày không cấy không có lúa gạo.

人民飢餓死者甚多。群臣白王。人民飢困死者甚多。

Nhân dân cơ nọ tử giả thậm đa. Quân thân bạch Vương. Nhân dân cơ khốn tử giả thậm đa.

Nhân dân đói khát, người chết rất nhiều. Quân thân báo cáo Vua. Nhân dân đói khốn khổ, người chết rất nhiều.

王告群臣宣令諸國。告勅人民各持十善。

Vương cáo quân thân tuyên linh chư quốc. Cáo sắc nhân dân các trì Thập-thiện.

Vua bảo quân thân nói khắp các Nước. Ra lệnh cho nhân dân từng người giữ 10 Nghiệp thiện.

雖復身死神得生天快樂自然。諸臣受教咸各宣令。

Tuy phục thân tử Thần đắc sinh Thiên khoái lạc tự nhiên. Chư thân thụ giáo hàm các tuyên linh.

Tuy lại thân chết, Thần thức được sinh lên Trời tự nhiên vui sướng. Các quân thần nhận lời dạy, đọc nói cho tất cả.

人民大小皆持十善。其有死者盡得生天。

Nhân dân đại tiểu giai trì Thập-thiện. Kỳ hữu tử giả tận đắc sinh Thiên.

Nhân dân lớn nhỏ đều giữ 10 Nghiệp thiện. Nếu có người chết, hết cả được sinh lên Trời.

時有一人聰明智慧端正無比。見比舍家母與兒共通。

Thời hữu nhất nhân thông minh Trí tuệ đoan chính vô tử. Kiến tử xá gia mẫu dĩ nhi cộng thông.

Lúc đó có 1 người thông minh Trí tuệ đoan chính khó sánh được. Nhìn thấy cha mẹ anh em trong nhà và con trẻ cùng thông hiểu.

其人見之心便不樂。意自念言：

Kỳ nhân kiến chi tâm tiện bất lạc. Ý tự niệm ngôn：

Người đó nhìn thấy, tâm liền không vui. Ý tự suy nghĩ nói rằng：

雖得人身作畜生行。色欲所惑。

Tuy đắc nhân thân, tác Súc-sinh hạnh. Sắc dục sở hoặc.

Tuy được thân người, làm hạnh của Súc sinh. Bị sắc Dục hoặc loạn.

子不識母母不識子。顛倒上下不相分別。

Tử bất thức mẫu mẫu bất thức tử. Diên đảo thượng hạ bất tương phân biệt.

Chết không nhận ra mẹ, mẹ không nhận ra con. Đảo lộn trên dưới không tự xem xét phân biệt.

生死之中甚大可畏。即便剃頭而著袈裟。

Sinh tử chi trung thậm đại khả úy. Tức tiện thể đầu nhi trước Già-sa.

Ở trong sinh chết rất là đáng sợ hãi. Tức thì liền cắt tóc đầu mà mặc áo Già Sa.

詣於山澤坐禪思惟。由有愚癡貪婬瞋恚致有眾行。

Nghệ ư sơn trạch tọa Thiên tư duy. Do hữu ngu si tham dâm sân khuể trí hữu chúng Hành.

Tới ở trong đầm núi tư duy ngòi Thiên. Do có ngu si, tham dâm, giận hờn đem tới có các Hành động.

便受五道生死眾苦。若無三毒則無諸行。

Tiền thụ Ngũ-đạo sinh tử chúng khổ. Nhược vô Tam-độc tức vô chư Hành.

Liên nhận lấy các khổ sinh chết của 5 Đạo. Nếu không có Tham, Thù hận, Ngu si tức thì không có các Hành động.

諸行已滅則不受身。已無有身眾苦便滅。

Chư hành dĩ diệt tắc bất thụ thân. Dĩ vô hữu thân chúng khổ tiền diệt.

Các Hành động đã diệt trừ, chắc là không nhận lấy thân. Đã không có thân, các khổ liền diệt trừ.

思惟如是豁然意解諸欲永盡。即時便得辟支佛道。

Tư duy như thị khoát nhiên ý giải chư dục vĩnh tận. Tức thời tiền đắc Bích Chi Phật đạo.

Suy nghĩ như thế bỗng nhiên hiểu ý, các ham Dục vĩnh viễn hết tận. Tức thì liền được Đạo Bích Chi Phật.

六通清徹無所罣礙，便自思惟。我今當受何誰食耶？

Lục-thông thanh triệt vô sở quái ngại, tiền tự tư duy. Ngã kim đương thụ hà thùy thực da ?

Sáu Thần thông trong suốt không có trở ngại, liền tự suy nghĩ. Ta nay cần nhận lấy thức ăn của người nào ?

觀閻浮提一切人民，皆悉飢餓食不可得。

Quan Diêm-phù-đề nhất thiết nhân dân, giai tất cơ nọ thực bất khả đắc.

Quan sát tất cả nhân dân Diêm Phù Đề, tất cả đều đói khát, không thể có được thức ăn.

唯當往詣大王迦那迦跋彌所而乞食耳。即便飛到大王宮內。

Duy đương vãng nghệ Đại Vương Ca-na Ca-bạt-di sở nhi khát thực nhĩ. Tức tiện phi đáo Đại-vương cung nội.

Chỉ nên tới nơi ở của Đại Vương Ca Na Ca Bạt Di, mà xin ăn thôi. Tức thì liền bay đến bên trong cung của Đại Vương.

從王乞食。王言：我食齊此今日便盡。王自念言：

Tòng Vương khát thực. Vương ngôn : Ngã thực tề thử kim nhật tiện tận. Vương tự niệm ngôn :

Xin ăn từ Vua. Vua nói rằng : Thức ăn của Ta chia đều thế này, hôm nay liền hết tận. Vua tự suy ngẫm nói rằng :

今我自食會亦當死。若我不食亦當死耳。

Kim Ngã tự thực hội diệc đương tử. Nhược Ngã bất thực diệc đương tử nhĩ.

Ta nay tự ăn biết rồi cũng sẽ chết. Nếu ta không ăn cũng sẽ chết mà thôi.

今得值此神人難遇。我寧不食飯此快士。

Kim đắc trị thử Thần nhân nan ngộ. Ngã ninh bất thực phạm thử Khoái-sĩ.

Nay được trực tiếp gặp người Thần khó gặp này. Ta chắc chắn không ăn, cơm dành cho người Trí tuệ sắc xảo này.

自持食分即便用飯此辟支佛。辟支佛食飯已訖。

Tự trì thực phần tức tiện dụng phạm thử Bích Chi Phật. Bích Chi Phật thực phạm dĩ cật.

Tự bưng phần cơm, tức thời liền dâng cơm cho Bích Chi Phật này. Bích Chi Phật ăn cơm đã xong.

意自念言：今此大王所施難及。當使其王益加歡喜。

Ý tự niệm ngôn : Kim thử Đại Vương sở thí nan cập. Đương sử kỳ Vương ích gia hoan hỉ.

Ý tự suy ngẫm nói rằng : Nay Đại Vương này làm Bồ thí khó sánh kịp. Cần làm cho Vương này vui mừng tăng thêm ích lợi.

即於王前昇於虛空飛騰變化。

Tức ư Vương tiền thăng ư hư không phi đằng biến hóa.

Tức thì ở trước Vua bay lên khoảng không biến hóa bay đi.

東踊西沒，西踊東沒。南踊北沒，北踊南沒。

Đông dũng Tây một, Tây dũng Đông một.

Nam dũng Bắc một. Bắc dũng Nam một.

Hiện ra ở phương Đông, biến mất ở phương Tây, hiện ra ở phương Tây, biến mất ở phương Đông. Hiện ra ở phương Nam, biến mất ở phương Bắc, hiện ra ở phương Bắc, biến mất ở phương Nam.

上方踊下方沒。下方踊上方沒。經行虛空或坐或臥。

Thượng phương dũng hạ phương một. Hạ phương dũng thượng phương một. Kinh hành hư không hoặc tọa hoặc ngọa.

Hiện ra ở phương trên, biến mất ở phương dưới, hiện ra ở phương dưới, biến mất ở phương trên. Qua lại trong khoảng không hoặc ngồi hoặc nằm.

身上出水身下出火。身下出水身上出火。

Thân thượng xuất thủy thân hạ xuất hỏa.
Thân hạ xuất thủy thân thượng xuất hỏa.

Thân trên phun ra nước, thân dưới phun ra lửa. Thân trên phun ra lửa, thân dưới phun ra nước.

自分一身作百作千作萬乃至無數。以無數身還合爲一

。

Tự phân nhất thân tác bách tác thiên tác vạn nãi chí vô số. Dĩ vô số thân hoàn hợp vi nhất.

Tự chia tách thân làm thành trăm nghìn vạn thân, thậm chí vô số. Dùng vô số thân hợp lại thành 1 thân.

現變已竟從空來下。住於王前而語王言：

Hiện biến dĩ cánh tòng không lai hạ. Trụ ư Vương tiền nhi ngữ Vương ngôn：

Biến hiện đã xong từ trên không hạ xuống. Ở trước Vua mà bảo Vua nói rằng :

汝今所施實為難及。欲求何願必當與王。

Nhữ kim sở thí thực vi nan cập. Dục cầu hà nguyện tất đương dĩ Vương.

Ngài nay được Bồ thí thực là khó theo kịp. Muốn cầu nguyện cái gì nhất định sẽ ban cho Vua.

王及群臣夫人嫔女。皆大歡喜頭面著地禮辟支佛足。

Vương cập quần thân phu nhân cung nữ, giai đại hoan hỉ đầu diện trước địa lễ Bích Chi Phật túc.

Vua cùng với quần thân phu nhân cung nữ, đều rất vui mừng phục đất đảnh lễ Bích Chi Phật xong.

而求願言：今我國土人民飢餓。危困至甚命在旦夕。

Nhi cầu nguyện ngôn : Kim Ngã quốc thổ nhân dân cơ nọ. Nguy khốn chí thậm mệnh tại dân tịch.

Mà cầu nguyện nói rằng : Nay nhân dân của Đất nước Con đói khát. Nguy khốn thậm chí mệnh ở trong giây lát.

今我持此最後之食施此快士。

Kim Ngã trì thủ tối hậu chi thực thí thủ Khoái-sĩ.

Con nay dâng thức ăn cuối cùng này cho người Trí tuệ sắc xảo này.

持此功德除我國中飢困。唯求此願。

Trì thủ công Đức trừ Ngã quốc trung cơ khốn. Duy cầu thủ nguyện.

Dem công Đức này trừ diệt đói khát khốn khổ ở trong nước của con. Chỉ cầu xin ước nguyện này.

時辟支佛即答王言：當如所願！言竟即便飛去。

**Thời Bích Chi Phật tức đáp Vương ngôn :
Đương như sở nguyện ! Ngôn cánh tức tiện phi khứ.**

**Lúc đó Bích Chi Phật tức thì trả lời Vua nói rằng :
Sẽ được như ước nguyện ! Nói xong tức thời liền bay đi.**

應時四方便即雲起合於虛空。便作大風吹地不淨。

Ứng thời tứ phương tiện tức vân khởi hợp ư hư không. Tiện tác đại phong xuy địa bất tịnh.

Bốn phương đồng thời liền sinh ra mây, tụ hợp ở trong khoảng không. Liền làm gió lớn thổi đất không sạch.

瑕穢糞除悉令化去。便雨自然百味飲食徧閻浮提。

Hà uế phẩn trừ, tất linh hóa khứ. Tiện vũ tự nhiên bách vị ẩm thực, biến Diêm-phù-đề.

Trừ diệt bụi bẩn ô uế, đều làm cho biến mất. Tự nhiên liền rải xuống trăm vị thức ăn, khắp cả Diêm Phù Đề.

復雨五穀，次雨衣被，次雨七寶。

Phục vũ ngũ cốc, thứ vũ y bị, thứ vũ thất bảo.

Lại rắc lúa gạo, tiếp tới quần áo chăn ấm, tiếp theo là 7 vật báu.

閻浮提內八萬四千諸王臣民皆大歡喜。

Diêm-phù-đề nội bát vạn tứ thiên chư Vương thần dân, giai đại hoan hỉ.

Bên trong Diêm Phù Đề 8 vạn 4 nghìn các Vua thần dân, đều rất vui mừng.

王告勅群臣宣令八萬四千諸王。各勅所局。

Vương cáo sắc quần thần tuyên linh bát vạn tứ thiên chư Vương. Các sắc sở cục.

Vua ra lệnh bảo quần thần nói đọc cho 8 vạn 4 nghìn các Vua. Họ đưa lệnh tới khắp nơi.

一切人民皆持十善。時閻浮提五穀豐盛。

Nhất thiết nhân dân giai trì Thập thiện. Thời Diêm-phù-đề ngũ cốc phong thịnh.

Tất cả nhân dân đều giữ 10 Nghiệp thiện. Lúc đó Diêm Phù Đề lúa gạo nhiều đầy đủ.

人民歡喜行於十善。慈心相向如父如母如兄如弟。

Nhân dân hoan hỉ hành ư Thập-thiện. Từ tâm tương hướng như phụ như mẫu như huynh như đệ.

Nhân dân vui mừng tự làm 10 Nghiệp thiện. Tâm Từ cùng nhau hướng về, như cha như mẹ như anh như em.

於時人民壽終之後盡得生天。無有墮於三惡道者。佛告王曰：

Ư thời nhân dân thọ chung chi hậu tận đắc sinh Thiên. Vô hữu đọa ư Tam ác đạo giả. Phật cáo Vương viết：

Thời đó nhân dân sau khi hết mệnh, được sinh hết lên Trời. Không có đọa xuống Địa

ngục Quỷ đói Súc sinh. Phật bảo Vua nói rằng :

爾時迦那迦跋彌者我身是也。而我爾時直以一食施辟支佛。

Nhĩ thời Ca-na Ca-bạt-di giả Ngã thân thị dã. Nhi Ngã nhĩ thời trực dĩ nhất thực thí Bích Chi Phật.

Thời đó Ca Na Ca bạt Di cũng là thân của Ta. Mà Ta thời đó trực tiếp dùng một bữa ăn Bồ thí cho Bích Chi Phật.

現世獲福功德如是。因此功德自致成佛。

Hiện thế hoạch Phúc công Đức như thị. Nhân thử công Đức tự trí thành Phật.

Đời hiện nay thu hoạch được công Đức như thế. Nhân do công Đức này tự đem tới thành Phật.

一切眾生諸有飢渴苦惱之者令獲道證。

Nhất thiết chúng sinh, chư hữu cơ khát khổ não chi giả linh hoạch Đạo chứng.

Tất cả chúng sinh, những người bị khổ não đói khát, giúp cho thu hoạch chúng nghiệm Đạo.

安穩快樂使至無爲。時諸弟子帝王臣民皆大歡喜。

An ổn khoái lạc sử chí Vô-vi. Thời chư Đệ-tử Đế-vương thần dân, giai đại hoan hỉ.

Yên ổn vui vẻ giúp cho cho tới Đạo Rỗng Lặng. Thời các Đệ Tử Đế Vương thần dân, đều rất vui mừng.

爾時世尊重告王曰：一切眾生爲慳索所縛。

Nhĩ thời Thế Tôn trùng cáo Vương viết : Nhất thiết chúng sinh vi xan tác sở phược.

Khi đó Thế Tôn lại bảo Vua nói rằng : Tất cả chúng sinh bị tham keo kiệt trói buộc.

慳蓋所覆不知布施。獲其大報不可稱量。

Xan cái sở phúc bất tri Bồ-thí. Hoạch kỳ đại báo bất khả xưng lượng.

Bóng tham keo kiệt che phủ không biết Bồ thí. Thu hoạch được quả báo lớn không thể nói định lượng được.

自念曩昔過去世時。此閻浮提有城名不流沙。

Tự niệm năng tích Quá-khứ thế thời. Thử Diêm-phù-đề hữu thành danh Bất-lưu-sa.

Tự nhớ lại thời Quá khứ xa xưa. Diêm Phù Đề này có thành tên là Bất Lưu Sa.

王名婆檀寧。夫人字跋摩竭提。

Vương danh Bà-đàn-ninh, phu nhân tự Bạt-ma Kiệt-đề.

Vua tên là Bà Đàn Ninh, phu nhân tên là Bạt Ma Kiệt Đề.

時國穀貴人民飢餓。加有疫病，時王亦病。

Thời quốc cốc quý nhân dân cơ ngặt. Gia hữu dịch bệnh, thời Vương diệc bệnh.

Đất nước thời đó lúa gạo quý hiếm, nhân dân đói khát. Có thêm bệnh dịch, lúc đó Vua cũng bị bệnh.

夫人自出祠天。街邊有一家。夫行不在時婦產兒。

Phu nhân tự xuất từ Thiên. Nhai biên hữu nhất gia, phu hành bất tại thời phụ sản nhi.

Phu nhân tự ra cúng tế Trời. Phố bên cạnh có một gia đình. Người chồng đi làm không ở nhà, khi đó vợ sinh con nhỏ.

又無婢使產後飢虛。復無有食飢餓欲死。

Hựu vô tỳ sử sản hậu cơ hư. Phục vô hữu thực cơ ngặt dục tử.

Lại không có người sai khiến giúp đỡ, sau khi sinh đói khát mệt yếu. Lại không có thức ăn đói khát muốn chết.

便自念言：今死垂至更無餘計。

Tiện tự niệm ngôn : Kim tử thù chí cánh vô dư kế.

Liên tự suy ngẫm nói rằng : Hôm nay chắc là chết chắc, càng không có cách khác.

唯當還自噉其兒耳而用濟命。即便取刀適欲殺兒。

Duy đương hoàn tự đạm kỳ nhi nhĩ nhi dụng tế mệnh. Tức tiện thủ đao thích dục sát nhi.

Chỉ có thể phải ăn thịt đứa trẻ này mà dùng để cứu mệnh. Tức thì liền cầm dao đang lúc muốn giết hại đứa trẻ.

心爲悲感舉聲大哭。爾時夫人欲還宮中。

Tâm vị bi cảm cử thanh đại khốc. Nhĩ thời phu nhân dục hoàn cung trung.

Tâm vị bi cảm phát ra tiếng khóc lớn. Khi đó phu nhân muốn trở lại trong cung điện.

聞此婦人悲聲慘切。愴然憐傷便住聽之。

Văn thử phụ nhân bi thanh thâm thiết. Sảng nhiên lân thương tiện trụ thính chi.

Nghe tiếng khóc bi thương thảm thiết của người phụ nữ. Bỗng nhiên thương xót liền ở lại nghe.

而此婦人適欲舉刀欲殺其子。便自念言：

Nhi thử phụ nhân thích dục cử đao dục sát kỳ tử. Tiện tự niệm ngôn：

Mà người phụ nữ này đang lúc cần cầm dao, muốn giết con của mình. Liền tự suy ngẫm nói rằng：

何忍噉其子肉？作是念已便復啼哭。

Hà nhân đạm kỳ tử nhục？ Tác thị niệm dĩ tiện phục đề khốc.

Sao lại nhẫn tâm ăn thịt con của mình？ Làm suy ngẫm đó xong liền lại khóc to.

夫人便入其舍就而問之。何以啼哭欲作何等？

婦即答言：

Phu nhân tiện nhập kỳ xá tự nhi vấn chi. Hà dĩ đề khốc, dục tác hà đẳng？ Phụ tức đáp ngôn：

Phu nhân liền vào nhà của họ mà hỏi người đó. Vì sao lại khóc, muốn làm cái gì？ Người phụ nữ tức thì trả lời nói rằng：

無食食之。加復產後身倍虛羸。

Vô thức thực chi. Gia phục sản hậu thân bội hư luy.

Không có thức ăn để ăn. Lại thêm sau khi sinh thân thể bội phần mệt yếu.

欲自殺兒用濟其命。夫人聞之心爲悼愍，語言：

Dục tự sát nhi dụng tế kỳ mệnh. Phu nhân văn chi tâm vi điệu mẫn, ngữ ngôn：

Muốn tự giết con nhỏ, dùng để cứu mệnh của mình. Phu nhân nghe xong tâm thương xót, bảo rằng：

莫殺其子。我到宮中當送食來。婦人答言：

Mạc sát kỳ tử. Ngã đáo cung trung đương tổng thực lai. Phụ nhân đáp ngôn：

Đừng giết đứa trẻ đó. Ta trở về trong cung sẽ đem thức ăn tới. Người phụ nữ trả lời nói rằng：

夫人尊貴或復稽遲。或能忘之。

Phu nhân tôn quý hoặc phục kê trì. Hoặc năng vong chi.

Phu nhân tôn quý nếu lại chậm trễ. Hoặc có thể chết.

而我今日命在呼吸不踰時節。不如自噉其子以用濟命。

。

Nhi Ngã kim nhật mệnh tại hô hấp bất du thời tiết. Bất như tự đạm kỳ tử dĩ dụng tế mệnh.

Mà Tôi hôm nay mệnh chỉ còn trong hơi thở không vượt qua thời tiết. Không bằng tự ăn đứa trẻ này, dùng để cứu tính mệnh.

夫人問言：更得餘肉食之可不。答言：

Phu nhân vấn ngôn：Cánh đặc dư nhục thực chi khả phủ？Đáp ngôn：

Phu nhân hỏi nói rằng：Thay bằng thịt khác, ăn có được không？Trả lời nói rằng：

果得濟命不問好醜也。於是夫人即便取刀自割其乳。

Quả đặc tế mệnh bất vấn hảo xú dã. Ư thị phu nhân tức tiện thủ đao tự cắt kỳ nhũ.

Quả như cứu được tính mệnh cũng không hỏi tốt xấu. Khi đó phu nhân tức thì liền cầm lấy dao tự cắt vú của mình.

便自願言：今我以乳持用布施濟此危厄。

Tiện tự nguyện ngôn：Kim Ngã dĩ nhũ trì dụng Bồ-thí tế thử nguy ách.

Liên tự phát nguyện nói rằng : Con nay lấy vú dùng đem Bồ thí cứu giúp nguy ách này.

不願作轉輪聖王天帝魔王梵王也。

Bất nguyện tác Chuyển-luân Thánh-vương Thiên-đế Ma-vương Phạm-vương dã.

Cũng không nguyện cầu làm Chuyển luân Thánh Vương, Ngọc hoàng, Ma Vương, Phạm Vương.

持此功德用成無上正真之道。即便持乳與此婦人。

Trì thủ công Đức dụng thành Vô-thượng Chính-chân chi Đạo. Tức tiện trì nữ dữ thủ phụ nhân.

Đem công Đức này dùng thành Đạo Bình Đẳng Chân chính. Tức thì liền đem vú đưa cho người phụ nữ này.

適欲舉刀更割一乳。

Thích dục cử đao cánh cắt nhất nữ.

Đang lúc muốn cầm dao cắt thêm một vú.

應時三千大千世界爲大震動。諸天宮殿皆悉動搖。

Ứng thời Tam-thiên Đại-thiên Thế giới vi đại chấn động. Chư Thiên cung điện giai tất động dao.

Lúc đó Ba nghìn Đại thiên Thế giới bị chấn động lớn. Các cung điện Trời tất cả đều dao động.

時天帝釋天眼觀之。見夫人自割其乳濟其危厄。

Thời Thiên-đế-thích Thiên nhân quan chi. Kiến phu nhân tự cắt kỳ nhũ tế kỳ nguy ách.

Lúc đó mắt cõi Trời của Ngọc Hoàng Đế Thích quan sát. Nhìn thấy phu nhân tự cắt vú của mình cứu giúp nguy ách đó.

時天帝釋無數諸天。即時來下住虛空中。

Thời Thiên-đế-thích vô số chư Thiên. Tức thời lai hạ trụ hư không trung.

Khi đó Ngọc Hoàng Đế Thích vô số các Trời. Tức thời hạ xuống ở trong khoảng không.

皆為悲泣淚如盛雨。於時天帝住夫人前而便問言：

Giai vi Bi khắp lệ như thịnh vũ. Ư thời Thiên-đế trụ phu nhân tiền nhi tiện vấn ngôn：

Đều bị Bi thương khóc rơi lệ như mưa lớn. Khi đó Ngọc Hoàng ở trước phu nhân mà liền hỏi nói rằng：

汝今所施甚為難及。求何願耶！夫人答言：

Nhữ kim sở Thí thậm vi nan cập. Cầu hà nguyện da ? Phu nhân đáp ngôn :

Bà nay được Bồ thí rất khó theo kịp. Sẽ cầu nguyện cái gì ? Phu nhân trả lời nói rằng :

持此功德用求無上正真之道。度脫一切眾生苦厄。

Trì thử công Đức dụng cầu Vô-thượng Chính-chân chi Đạo. Độ thoát nhất thiết chúng sinh khổ ách.

Dem công Đức này dùng để cầu Đạo Bình Đẳng Chân chính. Độ thoát khổ ách của tất cả chúng sinh.

天帝答言：汝求此願以何爲證。於是夫人即立誓言：

Thiên-đế đáp ngôn : Nhữ cầu thử nguyện dĩ hà vi chứng ? Ư thị phu nhân tức lập thệ ngôn :

Ngọc Hoàng trả lời nói rằng : Bà cầu nguyện như thế lấy gì làm bằng chứng. Khi đó phu nhân tức thì lập thệ nguyện nói rằng :

今我所施功德審諦成正覺者。我乳尋當平復如故。

Kim Ngã sở Thí công Đức thẩm đế thành Chính-giác giả. Ngã nhữ tâm đương bình phục như cố.

Con nay nguyện nếu công Đức Bồ thí này, quả đúng là thành Chính Giác. Vú của con sẽ trở lại bình phục như cũ.

其乳尋時平復如故。天帝讚言：善哉善哉！

Kỳ nhũ tằm thời bình phục như cố. Thiên-đế tán ngôn : Thiện tai, thiện tai !

Lúc đó vú đó trở lại bình phục như cũ. Ngọc Hoàng ca ngợi nói rằng : Thiện thay, thiện thay !

汝成佛不久。諸天歡喜即便現形歎夫人言：

Nhữ thành Phật bất cửu. Chư Thiên hoan hỉ tức tiện hiện hình tán phu nhân ngôn :

Không lâu Bà thành Phật. Các Trời vui mừng, tức thì hiện thân ca ngợi phu nhân nói rằng :

汝今所施得無悔恨以為痛耶 ？ 答言 ：
我無悔恨不以為痛。

Nhữ kim sở Thí đắc vô hối hận dĩ vi thống da ? Đáp ngôn : Ngã vô hối hận bất dĩ vi thống.

Bà nay do Bồ thí được không hối hận, lấy làm đau khổ chứ ? Trả lời nói rằng : Tôi không hối hận không lấy làm đau khổ.

天復答言：若無悔恨以何為證。

Thiên phục đáp ngôn : Nhược vô hối hận dĩ hà vi chúng.

Trời lại trả lời nói rằng : Nếu không hối hận lấy gì làm bằng chúng.

於是夫人便立誓言 : 我今所施用求佛道無悔恨者。

Ư thị phu nhân tiện lập thệ ngôn : Ngã kim sở Thí dụng cầu Phật đạo vô hối hận giả.

Khi đó phu nhân liền lập thệ nguyện nói rằng : Con nay do Bố thí dùng để cầu Đạo Phật không có hối hận.

令我女身變成男子。立誓已訖。

Linh Ngã nữ thân, biến thành nam tử. Lập thệ dĩ cật.

Giúp cho thân nữ của con, biến thành người nam. Lập thệ nguyện đã xong.

應時女身變為男子。時諸天神讚言 : 善哉，善哉！

Ứng thời nữ thân biến vi nam tử. Thời chư Thiên Thần tán ngôn : Thiện tai, thiện tai !

Tức thời thân nữ biến thành người nam. Lúc đó các Thiên Thần ca ngợi nói rằng : Thiện thay, thiện thay !

如汝所願成佛不久。王及臣民歎甚奇特歡喜無量。

Như Nhữ sở nguyện thành Phật bất cứu. Vương cập thân dân thán thậm kỳ đặc hoan hỉ vô lượng.

Như nguyện của bà không lâu thành Phật. Vua cùng với thân dân ca ngợi, rất đặc biệt kỳ lạ, vui mừng vô lượng.

是時國中眾病消除。穀米豐賤人民安樂。

Thị thời quốc trung chúng bệnh tiêu trừ. Cốc mễ phong tiện, nhân dân an lạc.

Khi đó trong nước các bệnh tiêu trừ. Lúa gạo nhiều rẻ, nhân dân yên vui.

却後國王崩亡。群臣共議當更立王。

Khuốc hậu Quốc-vương băng vong. Quân thân cộng nghị đương cánh lập Vương.

Về sau Quốc vương bỏ mệnh. Quân thân cùng nhau bàn luận cần lập Vua mới.

時天帝釋來下語群臣言：跋摩竭提。變身化成男子。

Thời Thiên-đế-thích lai hạ ngữ quần thân ngôn : Bạt-ma Kiệt-đề biến thân hóa thành nam tử.

Khi đó Ngọc Hoàng Đế Thích hạ xuống bảo quân thần nói rằng : Bạt Ma Kiệt Đề biến thân, hóa thành người nam.

加有福德應得爲王。諸臣歡喜即拜爲王。

Gia hữu Phúc Đức ứng đắc vi Vương. Chư thần hoan hỉ tức bái vi Vương.

Có thêm Phúc Đức cần được làm Vua. Các quân thần vui mừng tức thì lễ bái làm Vua.

人民熾盛國遂興隆。佛告王言：

Nhân dân sí thịnh quốc toại hưng long. Phật cáo Vương ngôn :

Nhân dân nhiều mạnh, đất nước hưng thịnh.

Phật bảo Vua nói rằng :

爾時跋摩竭提者今我身是。而我爾時不惜身命。

Nhĩ thời Bạt-ma Kiệt-đề giả kim Ngã thân thị.

Nhi Ngã nhĩ thời bất tích thân mệnh.

Khi đó Bạt Ma Kiệt Đề nay là thân Ta. Mà Ta lúc đó không tiếc thân mệnh.

布施如是現世獲報。即變其身成於男子得紹王位。

Bố-thí như thị hiện thế hoạch báo. Tức biến kỳ thân thành ư nam tử đắc thiệu Vương vị.

Bồ thí như thế hiện đời này thu hoạch báo đáp. Tức thì biến thân đó thành người nam được mời tới làm Vua.

因是功德今得成佛普救一切。菩薩行檀波羅蜜勇猛如是。

Nhân thị công Đức kim đắc thành Phật phổ cứu nhất thiết. Bồ-tát hành Đàn Ba-la-mật dũng mãnh như thị.

Nhân do công Đức đó, nay được thành Phật cứu độ khắp tất cả. Bồ Tát thực hành Pháp Bồ thí tới Niết Bàn dũng mãnh như thế.

諸弟子國王臣民皆大歡喜。爲佛作禮而去。

Chư Đệ-tử Quốc-vương thân dân giai đại hoan hỉ. Vì Phật tác lễ nhi khứ.

Các Đệ tử Quốc vương thân dân đều rất vui mừng. Vì Phật làm lễ mà ra đi.

聞如是。一時佛在舍衛國祇樹給孤獨園。

Văn như thị. Nhất thời Phật tại Xá-Vệ quốc
Kì-Thụ Cấp-Cô-Độc viên.

Nghe như thế. Một thời Phật ở trong vườn Kỳ
Thụ Cấp Cô Độc nước Xá Vệ.

城中有一婆羅門。於城外興立祠壇設施飲食。

Thành trung hữu nhất Bà-la-môn. Ư thành
ngoại hưng lập từ đàn thiết Thí ẩm thực.

Trong thành có một Bà La Môn. Ở ngoài
thành lập dựng đàn cúng tế, làm Bố thí đồ ăn
uống.

請諸婆羅門祠祀已訖便還入城。

Thỉnh chư Bà-la-môn từ tự dĩ cật tiện hoàn
nhập thành.

Mời các Bà La Môn tế lễ xong liền trở về vào
trong thành.

時佛入城乞食。來出道中見佛光相巍巍。

Thời Phật nhập thành khát thực. Lai xuất đạo
trung kiến Phật Quang-tướng nguy nguy.

Khi Phật đi vào thành xin cơm. Chạy ra
đường nhìn thấy Quang Tướng của Phật uy
nghi.

歡喜踊躍遶佛一匝作禮而去。時佛便笑。

Hoan hỉ dũng dực nhiều Phật nhất tạp tác lễ nhi khứ. Thời Phật tiện tiếu.

Vui mừng dũng mãnh vòng quanh Phật 1 lượt làm lễ mà ra đi. Lúc đó Phật liền mỉm cười.

光從口出遍照十方。上至三十三天。下至大地獄。

Quang tòng khẩu xuất biến chiếu Thập phương. Thượng chí Tam thập tam Thiên. Hạ chí Đại Địa-ngục.

Ánh quang từ trong miệng bay ra biến tỏa chiếu soi 10 phương. Trên lên tới 33 tầng Trời. Thấp xuống tới Địa ngục lớn.

諸畜生禽獸諸餓鬼。五道境界莫不蒙明。病者皆愈。

Chư Súc-sinh cầm thú chư Nga-quỷ. Ngũ-đạo cảnh giới mạc bất môn minh. Bệnh giả giai dĩ.

Các Súc sinh cầm thú các Quỷ đói. Cảnh giới của 5 Đạo tất cả đều được ánh sáng này. Người bệnh đều hết nhanh khỏi.

牢獄繫閉悉得放解。諸天人民見佛光明歡喜無量。

Lao ngục hệ bế tất đắc phóng giải. Chư Thiên Nhân dân kiến Phật Quang-minh, hoan hỉ vô lượng.

Giam cầm trong nhà ngục đều được giải phóng. Các Trời nhân dân nhìn thấy Quang sáng của Phật, vui mừng vô lượng.

來至佛所以若干花香供養世尊。阿難長跪前白佛言：

Lai chí Phật sở dĩ nhược can hoa hương cúng dưỡng Thế Tôn. A-nan trường quy tiền bạch Phật ngôn：

Tới nơi Phật ở dùng rất nhiều hoa hương cúng dưỡng Thế Tôn. A Nan quỳ lâu tiến lên trước báo cáo Phật nói rằng：

今日世尊欣笑如是。願說笑意。佛告阿難！

Kim nhật Thế Tôn hân tiếu như thị. Nguyên thuyết tiếu ý. Phật cáo A-nan！

Hôm nay Thế Tôn vui cười như thế. Mong nguyện nói ý mỉm cười. Phật bảo A Nan！

見此婆羅門繞佛一匝者不 ？ 對曰 ：

唯然見之。佛告阿難！

Kiến thử Bà-la-môn nhiều Phật nhất tạp giả phủ ? Đối viết : Duy nhiên kiến chi. Phật cáo A-nan !

Nhìn thấy Bà La Môn này vòng quanh Phật 1 lượt phải không ? Trả lời là : Đương nhiên là nhìn thấy. Phật bảo A Nan !

此婆羅門見佛歡喜。清淨敬意遶佛一匝。

Thử Bà-la-môn kiến Phật hoan hỉ. Thanh tịnh kính ý nhiều Phật nhất tạp.

Bà La Môn này nhìn thấy Phật vui mừng. Ý cung kính Thanh tịnh vòng quanh Phật 1 lượt.

以此功德從是以後。二十五劫不墮三塗。

Dĩ thử công Đức tòng thị dĩ hậu. Nhị thập ngũ Kiếp bất đọa Tam-đô.

Do công Đức này từ đó về sau. 25 Kiếp không đọa xuống Địa ngục Quỷ đói Súc sinh.

天上人中所生之處快樂無極。竟二十五劫當得辟支佛

。

Thiên thượng nhân trung sở sinh chi xứ khoái lạc vô cực. Cánh nhị thập ngũ Kiếp đương đắc Bích Chi Phật.

Được sinh ở trong người trên Trời, ở nơi vui sướng vô hạn. Cuối Kiếp thứ 25 sẽ được Đạo Bích Chi Phật.

名特(打-

丁+親)那祇梨。阿難及一切大眾。聞佛所說身心清淨

。

Danh Đặc-thân Na-kì-lê. A-nan cập nhất thiết Đại chúng. Văn Phật sở thuyết thân tâm Thanh tịnh.

Tên là Đặc Thân Na Kì Nê. A Nan cùng với tất cả Đại chúng. Nghe được Phật nói thân tâm Thanh tịnh.

有得須陀洹斯陀含阿那含阿羅漢者。或發無上正真道者。

Hữu đắc Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán giả. Hoặc phát Vô-thượng Chính-chân Đạo giả.

Có được Đạo quả Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán. Hoặc phát tâm Đạo Bình Đẳng Chân chính.

眾會歡喜爲佛作禮右遶而去。

**Chúng hội hoan hỉ vì Phật tác lễ hữu nhiều
nhi khứ.**

**Chúng hội vui mừng, vì Phật làm lễ vòng
quanh bên phải mà ra đi.**

聞如是。一時佛在鬱單羅延國。

**Văn như thị. Nhất thời Phật tại Uất-đan La-
diên quốc.**

**Nghe như thế. Một thời Phật ở nước Uất Đan
La Diên.**

佛與千二百五十沙門俱行詣村落。如來色相三十有二

。

**Phật dữ thiên nhị bách ngũ thập Sa-môn câu
hành nghệ thôn lạc. Như Lai Sắc-tướng tam
thập hữu nhị.**

**Phật cùng với 250 Sa Môn cùng nhau đi tới
thôn ấp. 32 Sắc Tướng của Như Lai**

八十種好。光明晃煇照曜天地莫不大明。

**Bát thập chủng Hảo. Quang-minh hoảng dục
chiếu diệu Thiên địa mạc bất đại minh.**

80 Diện mạo tốt đẹp. Quang sáng chói lọi chiếu rọi rõ Trời đất, tất cả đều sáng lớn.

猶如盛月星中特明。時天盛熱無有蔭涼。

Do như thịnh nguyệt, tinh trung đặc minh.

Thời Thiên thịnh nhiệt vô hữu ấm lương.

Giống như Trăng rằm, sáng đặc biệt trong các vì Sao. Lúc đó Trời rất nóng không có bóng mát.

有一放羊人見佛光相心自念言：

Hữu nhất phóng dương nhân kiến Phật

Quang tướng tâm tự niệm ngôn：

Có một người chăn dê nhìn thấy Quang

Tướng của Phật tâm tự suy ngẫm nói rằng：

如來世尊三界之師。涉冒盛熱無有蔭涼。

Như Lai Thế Tôn Tam-giới chi Sư. Thiệp

mạo thịnh nhiệt vô hữu ấm lương.

Như Lai Thế Tôn Thầy của 3 Cõi giới. Mạo

hiểm xông pha nơi nóng mạnh không có che

mát.

即編草作蓋用覆佛上。捉隨佛行去羊大遠。

Tức biên thảo tác cái dụng phúc Phật thượng. Tróc tùy Phật hành khứ dương đại viễn.

Tức thời bện cỏ làm thành cái mũ dùng che lên trên Phật. Giữ lấy đi theo Phật bỏ rất xa đàn dê.

放蓋擲地還趣羊邊。佛便微笑。

Phóng cái trịch địa hoàn thú dương biên. Phật tiện vi tiếu.

Buông cái nón tròn ném xuống đất trở về bên cạnh đàn dê. Phật liền mỉm cười.

金色光從口中出數千萬岐。岐出百千萬光遍照十方。

Kim sắc quang tòng khẩu trung xuất số thiên vạn kỳ. Kỳ xuất bách thiên vạn quang biến chiếu Thập phương.

Ánh quang màu vàng từ miệng Phật bay ra, nghìn vạn loại khác nhau. Bay ra nghìn vạn ánh quang khác nhau, biến tỏa chiếu soi 10 phương.

上至三十三天。下至十八地獄。

Thượng chí Tam thập tam Thiên. Hạ chí thập bát Địa-ngục.

Cao lên tới 33 tầng Trời. Thấp xuống tới tầng Địa ngục thứ 18.

禽獸餓鬼莫不大明。三界天人見佛光明。

Cầm thú Ngạ-quỷ mạc bất đại minh. Tam-giới Thiên Nhân kiến Phật Quang-minh.

Cầm thú Quỷ đói tất cả đều sáng lớn. Người Trời của Ba Cõi giới nhìn thấy Quang sáng của Phật.

應時皆來至於佛所。一切人民及諸龍阿修倫。

Ứng thời giai lai chí ư Phật sở. Nhất thiết nhân dân cập chư Long, A-tu-luân.

Tức thời đều tới nơi ở của Phật. Tất cả nhân dân cùng với các Rồng, A Tu La.

無數眾會皆大歡喜。持香花伎樂供養如來。

Vô số chúng hội giai đại hoan hỉ. Trì hương hoa kĩ nhạc cúng dưỡng Như Lai.

Vô số hội chúng đều rất vui mừng. Đem hương hoa kĩ nhạc cúng dưỡng Như Lai.

阿難長跪前白佛言：佛不妄笑。願說其意。佛告阿難！

A-nan trường quy tiền bạch Phật ngôn : Phật bất vọng tiếu. Nguyên thuyết kỳ ý. Phật cáo A-nan !

A Nan quỳ lâu lên phía trước báo cáo Phật nói rằng : Phật không cười vô duyên. Mong nguyện nói ý đó. Phật bảo A Nan !

汝今見此放羊人不？對曰：唯然見之。

Nhữ kim kiến thử phóng dương nhân phủ ?

Đối viết : Duy nhiên kiến chi.

Ngài nay nhìn thấy người chăn dê này phải không ? Trả lời nói rằng : Đương nhiên là nhìn thấy.

佛告阿難！此放羊人以恭敬之心。

Phật cáo A-nan ! Thử phóng dương nhân dĩ cung kính chi tâm.

Phật bảo A Nan ! Người chăn dê này do tâm cung kính.

而以草蓋用覆佛上。以此功德十三劫中。

Nhi dĩ thảo cái dụng phúc Phật thượng. Dĩ thử công Đức thập tam Kiếp trung.

Mà lấy mũ cỏ dùng để che lên Phật. Do công Đức này trong 13 Kiếp.

天上世間生尊貴處。常自然有七寶之蓋而在其上。

**Thiên thượng Thế-gian sinh tôn quý xứ.
Thường tự nhiên hữu thất bảo chi cái nhi tại
kỳ thượng.**

**Sinh ở nơi tôn quý trên Trời Thế gian.
Thường tự nhiên có mũ bảy vật báu mà ở
trên đầu của người đó.**

命終之後不墮三惡道中。竟十三劫出家爲道。

**Mệnh chung chi hậu bất đọa tam Ác-đạo
trung. Cảnh thập tam kiếp xuất gia vị đạo.**

**Sau khi bỏ mệnh không đọa xuống 3 Đạo ác.
Cuối cùng của Kiếp thứ 13 xuất gia vì Đạo.**

成辟支佛名阿耨婆達。一切大眾聞佛所說。

**Thành Bích Chi Phật danh A-nậu Bà-đạt.
Nhất thiết Đại chúng văn Phật sở thuyết.**

**Thành Bích Chi Phật tên là A Nậu Bà Đạt.
Tất cả Đại chúng nghe được Phật nói.**

或得道迹，往來，不還，無著之證。成辟支佛。

**Hoặc đắc đạo tích, vãng lai, bất hoàn, vô
trước chi chứng. Thành Bích Chi Phật.**

**Hoặc chứng nghiệm được dấu tích Đạo, qua
lại, không trở về, không nương nhờ. Thành
Bích Chi Phật.**

或發無上正真道意者。或得立不退轉地者。

Hoặc phát Vô-thượng Chính-chân đạo ý giả.

Hoặc đắc lập Bất-thoái-chuyển địa giả.

Hoặc phát ý Đạo Bình Đẳng Chân chính.

Hoặc được lập thành bậc Không thoái lui.

眾會歡喜爲佛作禮而去。

Chúng hội hoan hỉ vì Phật tác lễ nhi khứ.

Hội chúng vui mừng, vì Phật làm lễ mà ra đi.

聞如是。一時佛在舍衛國祇樹給孤獨園。

**Văn như thị. Nhất thời Phật tại Xá-Vệ quốc
Kì-Thụ Cấp-Cô-Độc viên.**

**Nghe như thế. Một thời Phật ở trong vườn Kì
Thụ Cấp Cô Độc nước Xá Vệ.**

佛尊弟子名舍利弗。

Phật tôn Đệ-tử danh Xá-lợi-phất.

Phật tôn trọng Đệ Tử tên là Xá Lợi Phất.

晝夜六時常以道眼觀於眾生。應得度者輒往度之。

Trú dạ lục thời thường dĩ Đạo nhân quan ư chúng sinh. Ứng đắc độ giả triếp vãng độ chi.

Ngày đêm 6 thời khắc thường dùng Trí tuệ Đạo quan sát chúng sinh. Cần được cứu độ liền đi tới độ thoát.

王波斯匿有一大臣。名曰師質。財富無量應時得度。

Vương Ba-tư-nặc hữu nhất đại thân. Danh viết Sư-chất. Tài phú vô lượng ứng thời đắc độ.

Vua Ba Tư Nặc có một đại thân. Tên là Sư Chất. Tài phú vô lượng, tới lúc được độ thoát.

時舍利弗明日晨朝著衣持鉢。

Thời Xá-lợi-phất minh nhật thân triều trước y trì bát.

Xá Lợi Phất vào lúc sáng sớm hôm sau mặc áo cầm bát.

往詣其家而從乞食。於是師質見即作禮。

Vãng nghệ kỳ gia nhi tòng khát thực. Ư thị Sư-chất kiến tức tác lễ.

**Đi tới gia đình họ mà xin cơm. Khi đó Sư
Chất nhìn thấy tức thời làm lễ.**

問訊請命入坐施設床座飯食。時舍利弗。

**Vấn tẩn thỉnh mệnh nhập tọa thí thiết sàng
tọa phạn thực. Thời Xá-lợi-phất.**

**Thăm hỏi mời vào ngồi, bố trí giường ngồi
ăn cơm. Lúc đó Xá Lợi Phất.**

食訖澡手漱口爲說經法。富貴榮祿眾苦之本。

**Thực cật tảo thủ thẩu khẩu vị thuyết Kinh
Pháp. Phú quý vinh lộc chúng khổ chi bản.**

**Ăn xong rửa tay xúc miệng vì nói Kinh Pháp.
Nguồn gốc của phú quý vinh lộc các khổ.**

居家恩愛猶如牢獄之中。一切所有皆悉非常。

**Cư gia ân ái do như lao ngục chi trung. Nhất
thiết sở hữu giai tất phi thường.**

**Người tại gia ân ái, giống như trong lao ngục.
Tất cả có được, tất cả đều không phải lâu
dài.**

三界尊貴猶如幻化。五道生死轉貿身形無有吾我。

**Tam-giới tôn quý do như huyễn hóa. Ngũ
đạo sinh tử chuyển mạo thân hình, vô hữu
Ngô Ngã.**

Ba Cõi giới tôn quý giống như ảo hóa. Sinh chết của 5 Đạo chuyển đổi thân hình, không có Tôi Ta.

師質聞法心意悚然。不慕榮貴不樂恩愛。

Sư-chất văn Pháp tâm ý tủng nhiên. Bất mộ vinh quý bất lạc ân ái.

Sư Chất nghe Pháp tâm ý sững sốt. Không kính mộ vinh hoa phú quý, không vui thích ân ái.

觀於居家猶如丘墓。便以居業一切盡以以付其弟。

Quan ư cư gia do như khâu mộ. Tiện dĩ cư nghiệp nhất thiết tận dĩ dĩ phó kỳ đệ.

Quan sát thấy ở gia đình giống như gò đất nấm mồ. Liên mang hết tất cả nghiệp sống, đem giao cho em trai của ông ta.

便剃鬚髮而著袈裟。便入深山坐禪行道。

Tiện thể tu phát nhi trước Già-sa. Tiện nhập thâm sơn tọa Thiên hành đạo.

Liên cắt tóc mà mặc áo Già Sa. Liên đi vào trong núi sâu ngồi Thiên thực hành Đạo.

其婦愁憂思念前夫不順後夫。後夫問言：

Kỳ phụ sầu ưu tư niệm tiền phu bất thuận hậu phu. Hậu phu vấn ngôn :

Vợ của ông buồn rầu suy nghĩ nhớ người chồng trước, không thuận theo người chồng sau. Người chồng sau hỏi nói rằng :

居家財產珍寶甚多。何所乏短常愁不樂？其婦報言：

Cư gia tài sản trân bảo thậm đa. Hà sở phạp đoản thường sầu bất lạc ? Kỳ phụ báo ngôn :

Tài sản châu báu của gia đình rất nhiều. Có gì tốt xấu thường buồn không vui ? Người vợ đó trả lời nói rằng :

思念前夫是以愁耳。其夫復問。

Tư niệm tiền phu thị dĩ sầu nhĩ. Kỳ phu phục vấn.

Nghĩ nhớ người chồng trước vì thế lo buồn. Người chồng đó lại hỏi.

汝今與我共爲夫婦。何以晝夜思念前夫？婦復答言：

Nhữ kim dĩ Ngã cộng vi phu phụ. Hà dĩ trú dạ tư niệm tiền phu ? Phụ phục đáp ngôn :

Cô nay và Tôi cùng là vợ chồng. Vì sao ngày đêm nghĩ nhớ người chồng trước ? Người vợ lại trả lời nói rằng :

前夫心意甚好無比。是以思念。

Tiền phu tâm ý thậm hảo vô tỉ. Thị dĩ tư niệm.

Tâm ý của người chồng trước rất tốt không thể sánh được. Vì thế nghĩ nhớ.

其弟見嫂思念。恐兄返戒還奪其業。便語賊帥。

Kỳ đệ kiến tẩu tư niệm. Khủng huynh phản giới hoàn đoạt kỳ nghiệp. Tiện ngữ tặc soái.

Người em đó nhìn thấy chị nghĩ nhớ. Sợ anh phá giới trở về lấy lại gia nghiệp đó. Liên bảo tướng cướp.

雇汝五百金錢斫彼沙門頭來。

Cố Nhữ ngũ bách kim tiền chước bĩ Sa-môn đầu lai.

Thuê họ 500 đồng tiền vàng tới chặt lấy đầu Sa Môn đó.

賊帥受錢往到山中見彼沙門。沙門語言

我唯弊衣無有財產。

Tặc soái thụ tiền vãng đáo sơn trung kiến bĩ Sa-môn. Sa-môn ngữ ngôn : Ngã duy tệt y vô hữu tài sản.

Tướng cướp nhận tiền đi tới, nhìn thấy Sa Môn đó ở trong núi. Sa Môn bảo rằng : Tôi chỉ có áo rách không có tài sản.

汝何以來 ? 賊即答言 : 汝弟雇我使來殺汝。

Nhữ hà dĩ lai ? Tặc tức đáp ngôn : Nhữ đệ cố Ngã sử lai sát Nhữ.

Ông tới vì cái gì ? Bọn cướp tức thời trả lời nói rằng : Em của ông thuê tôi tới giết ông.

沙門恐怖便語賊言。我新作道人。

Sa-môn khủng bố tiện ngữ tặc ngôn : Ngã tân tác đạo nhân.

Sa Môn sợ hãi liền bảo tướng cướp nói rằng : Tôi mới làm người tu Đạo.

又未見佛不解道法。且莫殺我。須我見佛少解經法。

Hựu vị kiến Phật bất giải Đạo-pháp. Thả mặc sát Ngã. Tu Ngã kiến Phật thiếu giải Kinh pháp.

Mới lại chưa nhìn thấy Phật chưa hiểu Đạo Pháp. Hãy đừng giết tôi. Tôi cần nhìn thấy Phật hiểu chút ít Kinh Pháp.

殺我不遲。賊語之言 : 今必殺汝不得止也。

Sát Ngã bắt trì. Tặc ngữ chi ngôn : Kim tất sát Nhữ bất đắc chỉ dã.

Giết tôi chưa muộn. Cướp trả lời nói rằng : Hôm nay nhất định phải giết ông cũng không được dừng lại.

沙門即舉一臂而語賊言 :

Sa-môn tức cử nhất tý nhi ngữ tặc ngôn :

Sa Môn tức thì giơ 1 tay mà bảo cướp nói rằng :

且斫一臂留我殘命使得見佛。時賊便斫一臂持去與弟

。

Thả chước nhất tý lưu Ngã tàn mệnh sử đắc kiến Phật. Thời tặc tiện chước nhất tý trì khứ dữ đệ.

Hãy chặt 1 tay, giữ lại mệnh tàn tật của Tôi, để được nhìn thấy Phật. Lúc đó bọn cướp liền chặt một tay đem về cho em trai.

於是沙門便往見佛作禮却坐。佛爲說法。

Ư thị Sa-môn tiện vãng kiến Phật tác lễ khước tọa. Phật vị thuyết Pháp.

Khi đó Sa Môn liền đi tới nhìn thấy Phật, làm lễ lúi ra ngòi xuống. Phật vì nói Pháp.

汝無數劫久遠以來。割奪其頭手脚之血。

Nhữ vô số Kiếp cứu viễn dĩ lai. Cát đoạt kỳ đầu thủ cước chi huyết.

Ngài vô số Kiếp xa xưa tới nay. Cắt đoạt lấy máu và chân tay đầu của người đó.

多於四大海水。積身之骨高於須彌。

Đa ư tứ đại hải thủy. Tích thân chi cốt cao ư Tu-di.

Đa phần ở trong 4 biển lớn. Chất thân và xương cao như núi Tu Di.

涕泣之淚過於四海。飲親之乳多於江海。

Thế khắp chi lệ quá ư tứ hải. Ẩm thân chi nhũ đa ư giang hải.

Nước mắt nước dãi nhiều hơn cả 4 biển. Uống sữa của mẹ nhiều như sông biển.

汝從無數劫以來不但今也。一切有身皆受眾苦。

Nhữ tòng vô số Kiếp dĩ lai bất đãn kim dã. Nhất thiết hữu thân, giai thụ chúng khổ.

Ngài từ vô số Kiếp tới nay cũng không chỉ hiện nay. Tất cả có thân, đều nhận các khổ.

一切眾苦皆從習生。由習恩愛有斯眾苦。

Nhất thiết chúng khổ giai tòng tập sinh. Do tập ân ái hữu tư chúng khổ.

Tất cả các khổ đều từ luyện tập sinh ra. Do luyện tập, ân ái có các khổ đó.

癡愛已斷不習眾行。不習眾行便無有身。

Si ái dĩ đoạn bất tập chúng Hành. Bất tập chúng Hành tiện vô hữu thân.

Đã cắt đứt Yêu, Ngu si không luyện tập các Hành động. Không luyện tập các Hành động liền không có thân.

已無有身眾苦便滅。唯當思惟八正之道。

Dĩ vô hữu thân chúng khổ tiện diệt. Duy đương tư duy bát Chính chi Đạo.

Đã không có thân các khổ liền diệt trừ. Chỉ cần suy nghĩ 8 Đạo đúng.

於是沙門聞佛所說豁然意解。即於佛前得阿羅漢道。

Ư thị Sa-môn văn Phật sở thuyết khoát nhiên ý giải. Tức ư Phật tiền đắc A-la-hán Đạo.

Khi đó Sa Môn nghe được Phật nói bỗng nhiên hiểu ý. Tức thời ở trước Phật được Đạo A La Hán.

便放身命而般涅槃。賊擔其臂往持與弟。

Tiện phóng thân mệnh nhi Bát Niết-bàn. Tặc đảm kỳ tỳ vãng trì dữ đệ.

Liên bỏ thân mệnh mà nhập vào Trí tuệ Niết Bàn. Bọn cướp đem tay đó mang tới cho em trai.

弟便持臂著於嫂前。語其嫂言：

Đệ tiện trì tỳ trước ư tẩu tiên. Ngữ kỳ tẩu ngôn：

Em liền đem tay để trước mặt chị. Bảo chị dâu đó nói rằng：

常云思念前婿。此是其臂。其嫂悲泣哽咽不樂。

Thường vân tư niệm tiên tể. Thử thị kỳ tỳ. Kỳ tẩu bi khắp ngạnh yết bất lạc.

Thường luôn nghĩ nhớ anh rể trước. Đây là cánh tay của anh ta. Chị dâu đó bi thương khóc không thành tiếng, tắc nghẹn cổ họng không vui.

便往白王。王即推按如實不虛。便殺其弟。

Tiện vãng bạch Vương. Vương tức thôi hiệu như thực bất hư. Tiện sát kỳ đệ.

Liên tới báo cáo với Vua. Vua tức thì truy tìm, đúng như thực không sai. Liên giết người em đó.

諸比丘有疑問佛。而此沙門前世之時。

Chư Tì-kheo hữu nghi vấn Phật. Nhi thử Sa-môn tiên thế chi thời.

Các Tì Kheo có nghi hoặc hỏi Phật. Mà Sa Môn này khi Kiếp trước đây.

作何惡行今見斫臂？修何德本今值世尊得阿羅漢道。

Tác hà ác hạnh kim kiến chước tý？Tu hà Đức bản kim trực Thế Tôn đắc A-la-hán Đạo.

Làm hạnh ác thế nào nay thấy chặt tay？

Trước tu Đức gì nay trực tiếp gặp Thế Tôn được Đạo A La Hán.

佛告諸比丘。乃昔過去世波羅奈國。

Phật cáo chư Tì-kheo！Nãi tích Quá-khứ thế Ba-la-nại quốc.

Phật bảo các Tì Kheo！Trở lại thời Quá khứ xa xưa nước Ba La Nại.

爾時有王名婆羅達。出行遊獵馳逐走獸。

Nhĩ thời hữu Vương danh Bà-la-đạt. Xuất hành du lập trì trực tẩu thú.

Thời đó có Vua tên là Bà La Đạt. Xuất hành đi săn bắn đuổi chạy theo con thú.

迷失徑路不知出處。草木參天無餘方計。

Mê thất kính lộ bất tri xuất xứ. Thảo mộc tham Thiên vô dư phương kế.

Lạc mất đường về không biết nơi xuất phát. Cỏ cây cao ngất Trời, không có phương kế khác.

而得來出大用恐怖。遂復前行見一辟支佛。

Nhi đắc lai xuất đại dụng khủng bố. Toại phục tiền hành kiến nhất Bích Chi Phật.

Mà được ra khỏi, sợ hãi bao phủ. Liên lại đi về phía trước nhìn thấy 1 Bích Chi Phật.

王問其言：迷失徑路從何得出？

Vương vấn kỳ ngôn : Mê thất kính lộ tòng hà đắc xuất ?

Vương hỏi người đó nói rằng : Lạc mất đường đi làm sao được ra khỏi nơi này ?

軍馬人眾在於何所？時辟支佛臂有惡瘡不能舉手。

Quân mã nhân chúng tại ư hà sở ? Thời Bích Chi Phật tý hữu ác sang bất năng cử thủ.

Quân mã mọi người nay ở chỗ nào ? Khi đó tay của Bích Chi Phật có nhọt ác không thể cử động.

即便持脚示其道徑。王便瞋恚。

Tức tiện trì cước thị kỳ đạo kính. Vương tiện sân khuể.

Tức thì liền dùng chân chỉ ra đường đi. Vương liền tức giận.

此是我民見我不起。反持其脚示我道徑。王便拔刀斫斷其臂。

Thử thị Ngã dân kiến Ngã bất khởi. Phản trì kỳ cước thị Ngã đạo kính. Vương tiện bạt đao chức đoạn kỳ tý.

Dân này của Ta nhìn thấy Ta không đứng dậy. Ngược lại dùng chân chỉ đường đi. Vương liền rút đao chém đứt tay của người đó.

時辟支佛意自念言：王若不自悔責以往。

Thời Bích Chi Phật ý tự niệm ngôn : Vương nhược bất tự hối trách dĩ vãng.

Lúc đó Bích Chi Phật ý tự suy ngẫm nói rằng : Vua nếu không tự hối trách việc trước đó.

當受重罪無有出期。於是辟支佛即於王前。

Đương thụ trọng tội vô hữu xuất kỳ. Ư thị Bích Chi Phật tức ư Vương tiền.

Sẽ nhận lấy tội nặng không có ngày ra khỏi.

Khi đó Bích Chi Phật tức thì ở trước Vua.

飛昇虛空神足變現。時王見之以身投地。

Phi thăng hư không Thần-túc biến hiện. Thời Vương kiến chi dĩ thân đầu địa.

Bay lên không trung Thần thông biến hiện.

Lúc đó Vua nhìn thấy dùng thân nhào xuống đất.

舉聲大哭悔過自謝。辟支佛！唯願來下受我懺悔。

Cử thanh đại khốc hối quá tự tạ. Bích Chi Phật ! Duy nguyện lai hạ thụ Ngã sám hối.

Khốc lớn phát thành tiếng hối hận tự tạ tội cũ. Bích Chi Phật ! Chỉ mong nguyện hạ xuống nhận lời sám hối của Con.

時辟支佛即便來下受其懺悔。

Thời Bích Chi Phật tức tiện lai hạ thụ kỳ sám hối.

Lúc đó Bích Chi Phật tức thì liền hạ xuống nhận sám hối đó.

王持頭面著辟支佛足。作禮自陳。

**Vương trì đầu diện trước Bích Chi Phật túc.
Tác lễ tự trần.**

**Vua lấy đầu mặt phục lên chân của Bích Chi Phật.
Làm lễ tự phân trần.**

唯見矜愍受我懺悔。願莫使我久受苦痛。

**Duy kiến cãnh mẫn thụ Ngã sám hối. Nguyên
mạc sử Ngã cứu thụ khổ thống.**

**Chỉ mong được thương xót nhận lấy sám hối
của Con. Nguyên đừng sai khiến con, nhận
khổ đau lâu dài.**

時辟支佛便放身命入於無餘涅槃。

**Thời Bích Chi Phật tiện phóng thân mệnh
nhập ư Vô-dư Niết-bàn.**

**Lúc đó Bích Chi Phật liền bỏ thân mệnh
nhập vào Vô Dư Niết Bàn.**

王便收取耶旬起塔花香供養。常於塔前懺悔求願而得
度脫。

**Vương tiện thu thủ đa tuần khởi tháp hoa
hương cúng dưỡng. Thường ư tháp tiền sám
hối cầu nguyện nhi đắc độ thoát.**

Vương liền thu nhận lấy, 10 ngày sau xây dựng Tháp, hương hoa cúng dường. Thường ở trước Tháp sám hối cầu nguyện mà được độ thoát.

佛言：爾時王者此沙門是。由斫辟支佛臂。

Phật ngôn : Nhĩ thời Vương giả thử Sa-môn thị. Do chước Bích Chi Phật tý.

Phật nói rằng : Thời đó Vua đúng là Sa Môn này. Do chặt tay của Bích Chi Phật.

五百世中常見斫臂而死至于今日。

Ngũ bách thế trung thường kiến chước tý nhi tử chí vu kim nhật.

Trong 500 đời thường bị chặt tay mà chết cho tới ngày hôm nay.

由懺悔故不墮地獄。解了智慧而得度脫成阿羅漢道。

Do sám hối cố bất đọa Địa-ngục. Giải liễu Trí tuệ nhi đắc độ thoát thành A-la-hán Đạo.

Do vì sám hối không đọa xuống Địa ngục. Hiểu được Trí tuệ mà được độ thoát thành Đạo A La Hán.

佛告諸比丘。一切殃福終不朽敗。

Phật cáo chư Tì-kheo. Nhất thiết ương Phúc chung bất hủ bại.

Phật bảo các Tì Kheo. Tất cả tai ương Phúc cuối cùng không hủy hoại.

諸比丘聞佛所說。莫不驚悚頭面作禮。

Chư Tì-kheo văn Phật sở thuyết. Mạc bất kinh tủng đầu diện tác lễ.

Các Tì Kheo nghe được Phật nói. Tất cả đều kinh hãi phục đất làm lễ.

昔佛在阿耨達池告五百阿羅漢。

Tích Phật tại A-nậu-đạt trì cáo ngũ bách A-la-hán.

Trước đây Phật ở đầm A Nậu Đạt bảo 500 A La Hán.

汝等各各自說前世宿行今得成道。

Nhữ đẳng các các tự thuyết tiền thế túc hạnh kim đắc thành Đạo.

Các Ngài từng người tự nói hạnh của Kiếp trước, nay được thành Đạo.

時諸阿羅漢承佛教誨。各各自說宿行所作功德。

Thời chư A-la-hán thừa Phật giáo hối. Các các tự thuyết túc hạnh sở tác công Đức.

Lúc đó các A La Hán dựa vào dạy bảo của Phật. Từng người tự nói hạnh Kiếp trước làm được công Đức.

時有阿羅漢名婆多竭梨自說前世無央數劫。時世有佛名曰：

Thời hữu A-la-hán danh Bà-đa kiết-lê tự thuyết tiền thế vô ương số Kiếp. Thời thế hữu Phật danh viết：

Lúc đó có A La Hán tên là Bà Đa Kiết Lê tự nói vô số Kiếp của đời trước. Thời đó có Phật Tên hiệu là：

定光如來至真等正覺明行成爲善逝世間解無上士道法御天人師有大慈哀眾祐一切。

Định Quang Như Lai chí Chân Đẳng Chính-giác Minh-Hạnh thành vi Thiện-Thệ Thế-gian-giải Vô-thượng-Sĩ Đạo Pháp Ngự Thiên Nhân Sư hữu Đại Từ ai chúng hữu nhất thiết.

Định Quang Như Lai tới Chân Đẳng Chính Giác Minh Hạnh thành là Thiện Thệ Thế Gian Giải Vô Thượng Sĩ Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư có Đại Từ thương chúng, phù hộ tất cả.

爲於眾生作大依怙。興出于世教化人天皆令成道。

Vì ư chúng sinh tác đại y hỗ. Hưng xuất vu thế giáo hóa Nhân Thiên, giai linh thành Đạo.

Vì các chúng sinh làm hỗ trợ giúp đỡ lớn. Xuất hiện ở đời giáo hóa Trời Người, đều giúp cho thành Đạo.

乃取滅度。分布舍利起於塔廟。法欲末時我爲貧人。

Nãi thủ Diệt-độ phân bố Xá-lợi khởi ư Tháp-miếu. Pháp dục mạt thời Ngã vi bần nhân.

Liên cầm lấy Tạ thế, phân bố Xá Lợi khởi dựng Tháp Miếu. Pháp muốn tới thời diệt hết, Con là người nghèo.

無餘方業窮行採薪。遙見大澤中有塔寺甚爲巍巍。

Vô dư phương nghiệp cùng hành thái tân. Dao kiến đại trạch trung hữu Tháp tự thậm vi nguy nguy.

Không có nghiệp khác cuối cùng làm việc nhặt củi. Từ xa nhìn thấy trong đầm lớn có một Chùa Tháp rất là nguy nga tráng lệ.

我時見之心用欣然踊躍難量。即便行往到其塔所。

Ngã thời kiến chi tâm dụng hân nhiên dững
được nan lượng. Tức tiện hành vãng đảo kỳ
Tháp sở.

Con khi nhìn thấy, tâm lấy làm hân hoan
dững mãnh khó lường. Tức thời liền tiến
hành đi tới nơi Tháp đó.

瞻觀所像歡喜作禮。見諸狐狼飛鳥走獸在中止宿。

Chiêm đồ sở tượng hoan hỉ tác lễ. Kiến chư
hồ lang phi điều tẩu thú tại trung chỉ tú.

Chiêm ngưỡng nhìn thấy được tượng vui
mừng làm lễ. Nhìn thấy các cáo chó chim
bay thú chạy trú ở trong đó.

草木荊棘不淨滿中。迴絕無人無人行跡無供養者。

Thảo mộc kinh cức bất tịnh mãn trung.
Quýnh tuyệt vô nhân vô nhân hành tích vô
cúng dưỡng giả.

Cỏ, cây gai không sạch đầy trong đó. Xa
vắng tuyệt đối không có người, không có
dấu tích của người đi lại, không có người
cúng dưỡng.

而我觀見心用愴然。不曉知如來威神功德之法。

Nhi Ngã đổ kiến tâm dụng sáng nhiên. Bất hiểu tri Như Lai uy thần công Đức chi Pháp. Mà Con nhìn thấy được, tâm lấy làm thương xót. Không hiểu biết uy Thần công Đức và Pháp của Như Lai.

但以歡喜誅伐草木。及於掃除不淨盡去。

Đã dĩ hoan hỷ trừ phạt thảo mộc. Cập ư tảo trừ bất tịnh tận khứ.

Chỉ do vui mừng, cắt bỏ cỏ cây. Cùng với quét dọn, trừ bỏ vứt hết không sạch.

掃塔已訖一心歡喜繞之八匝。叉手作禮而去。持此功德。

Tảo Tháp dĩ cập nhất tâm hoan hỷ nhiều chi bát tạp. Xoa thủ tác lễ nhi khứ. Trì thủ công Đức.

Đã quét Tháp xong nhất tâm vui mừng, vòng quanh 8 lượt. Bắt chéo hai bàn tay làm lễ mà ra đi. Dem công Đức này.

壽終之後得生第十五光音天上。

Thọ chung chi hậu đắc sinh đệ thập ngũ Quang-âm Thiên thượng.

Sau khi bỏ mệnh được sinh lên Trời Quang Âm tầng thứ 15.

以眾名寶用爲宮殿光明晃煇。於諸天中特爲巍巍不可計量。

Dĩ chúng danh bảo, dụng vi cung điện quang minh hoảng dục. Ư chư Thiên trung đặc vi nguy nguy, bất khả kế lượng.

Lấy các vật báu có tiếng, dùng làm cung điện Quang sáng chói lòa. Ở trong Trời này, đặc biệt là nguy nga tráng lệ, không thể nói so lường được.

盡其天壽而復百返爲轉輪聖王。

Tận kỳ Thiên thọ nhi phục bách phản vi Chuyển-luân Thánh-vương.

Hết thọ mệnh của Trời đó mà còn trăm lần làm Chuyển luân Thánh Vương.

七寶自然典主四域。復畢其壽常生國王大姓長者家。

Thất bảo tự nhiên điển chủ tứ vực. Phục tất kỳ thọ thường sinh Quốc-vương đại tính Trưởng-giả gia.

**Bảy vật báu tự nhiên, chủ mẫu mực của 4
vùng. Lại hết thọ mệnh đó thường sinh làm
Quốc Vương họ lớn gia đình Trưởng giả.**

財富無數顏容殊妙無有雙比。人見歡喜莫不愛敬。

**Tài phú vô số, nhan dung thù diệu, vô hữu
song tử. Nhân kiến hoan hỉ, mạc bất ái kính.**

**Tiền nhiều vô số, dung nhan đặc biệt vi
diệu, không có sánh đôi. Người nhìn thấy vui
mừng, tất cả đều yêu kính.**

欲行之時道路自淨。虛空之中雨散眾花用此恭敬生處
自然。

**Dục hành chi thời đạo lộ tự tịnh. Hư không
chi trung vũ tán chúng hoa dụng thử cung
kính sinh xứ tự nhiên.**

**Khi muốn đi, đường xá tự sạch. Trong
khoảng không mưa rắc các hoa, do cung
kính này nơi sinh tự nhiên.**

一阿僧祇九十劫中迴流宛轉。常生天上及與人中。

**Nhất A-tăng-kỳ cửu thập kiếp trung hồi lưu
uyển chuyển. Thường sinh Thiên thượng cập
dữ nhân trung.**

Trong 90 Kiếp của một A Tăng Kỳ luân hồi lưu chuyển. Thường sinh lên Trời cùng với trong nhân gian.

尊榮豪貴封授自然不墮三塗。

Tôn vinh hào quý, phong thụ tự nhiên, bất đọa Tam-đồ.

Tôn vinh hào quý sung túc, mang đến tự nhiên, không đọa xuống 3 Đạo ác.

我憶此事大自雅奇。今我最後福願畢滿。

Ngã ức thử sự đại tự nhã kỳ. Kim Ngã tối hậu Phúc nguyện tất mãn.

Con nhớ lại việc này. Ngày nay Phúc nguyện cuối cùng của Con đầy đủ.

遭值釋師三界中雄。入於尊法便成沙門。

Tao trực Thích sư Tam-giới trung hùng. Nhập ư tôn Pháp tiệp thành Sa-môn.

Trực tiếp gặp Thầy Thích, kiệt xuất trong 3 Cõi giới. Thâm nhập vào trong Pháp báu thành là Sa Môn.

六通清徹無不解達。諸欲永盡得成羅漢。

Lục-thông thanh triệt vô bất giải đạt. Chư dục vĩnh tận đắc thành La-hán.

Sáu Thần thông trong suốt tất cả, đều hiểu thông suốt. Các ham Dục vĩnh viễn hết, được thành A La Hán.

無復惱熱冷而無暖。其心清淨獲於大安。

Vô phục não nhiệt lãnh nhi vô noãn. Kỳ tâm Thanh tịnh hoạch ư đại an.

Không trở lại Phiền não, nóng lạnh mà không có ấm. Tâm đó Thanh tịnh thu hoạch được yên ổn lớn.

若有能於佛法及與眾僧所作如毛髮之善。

Nhược hữu năng ư Phật Pháp cập dĩ chúng Tăng sở tác như mao phát chi thiện.

Nếu có siêng năng với Pháp Phật, cùng với chúng Tăng làm được việc thiện như sợi tóc.

所生之處受報弘大無有窮極。

Sở sinh chi xứ thụ báo hoằng đại vô hữu cùng cực.

Ở nơi được sinh nhận quả báo lớn nhất, không có tận cùng.

自念往古所作德行報應如是者乎？

Tự niệm vãng cổ sở tác Đức hạnh báo ứng như thị giả hô ?

Tự nhớ tới xa xưa, làm được Đức hạnh, báo ứng như thế phải chăng ?

婆多竭梨於佛前。自說宿行已。爲佛作禮却住一面。

Bà-đa kiệt-lê ư Phật tiên tự thuyết túc hạnh dĩ. Vì Phật tác lễ khước trụ nhất diện.

Bà Đa Kiệt Lê ở trước Phật tự nói xong Hạnh Kiếp trước. Vì Phật làm lễ lui ra ở một bên.

昔佛初得道。惟念眾生愚癡倒見剛強難化。

Tích Phật sơ đắc Đạo. Duy niệm chúng sinh ngu si đảo kiến cương cường nan hóa.

Trước kia Phật mới được Đạo. Do nghĩ chúng sinh ngu si, nhìn thấy đảo lộn, cương cường khó giáo hóa.

吾設當爲說法者誰肯信受。不如取般涅槃。

Ngô thiết đương vị thuyết Pháp giả thùy khảng tín thụ. Bất như thủ Bát Niết-bàn.

Ta nghĩ cần vì nói Pháp, ai khảng định tin nhận. Không bằng cầm lấy bước vào Phật Niết Bàn.

亦無有來請佛說法者。梵天知佛意欲取涅槃。

Diệc vô hữu lai thỉnh Phật thuyết Pháp giả. Phạm-thiên tri Phật ý dục thủ Niết-Bàn.

Cũng không có người tới mời Phật nói Pháp. Phạm Thiên biết ý của Phật muốn cầm lấy bước vào Niết Bàn.

即與無數梵眾如人屈伸臂頃。來至佛所頭面作禮。

Tức dữ vô số Phạm chúng như nhân khuất thân tỷ khoảnh. Lai chí Phật sở đầu diện tác lễ.

Tức thời cùng với vô số chúng Phạm, như người tráng sĩ duỗi thẳng chân tay. Tới nơi Phật ở phục đất làm lễ.

遶佛三匝長跪叉手前白佛言：三界眾生盲冥甚久。

Nhiều Phật tam tạp trường quy xoa thủ tiền bạch Phật ngôn : Tam-giới chúng sinh manh minh thậm cửu.

Vòng quanh Phật 3 lượt quỳ lâu bắt chéo hai bàn tay tiến lên báo cáo Phật nói rằng : Chúng sinh của 3 Cõi giới mù mờ quá lâu.

大聖出現唯願世尊。以大慈大悲無量大哀。

Đại Thánh xuất hiện, duy nguyện Thế Tôn. Dĩ Đại Từ Đại Bi, vô lượng đại ai.

Đại Thánh xuất hiện, chỉ mong Thế Tôn. Dùng Đại Từ Đại Bi, vô lượng thương xót lớn.

願受我請必受我請。開演法藏施慧光明。佛告梵天！

Nguyện thụ Ngã thỉnh tất thụ Ngã thỉnh. Khai diễn Pháp-tạng Trí tuệ Quang-minh. Phật cáo Phạm-thiên !

Mong nguyện nhận lấy lời mời của Con, nhất định nhận lấy lời mời của Con. Khai sáng Tạng Pháp ban cho Trí tuệ Quang sáng. Phật bảo Phạm Thiên !

眾生難寤迷惑倒見。吾設當為說其經法誰肯信受。

Chúng sinh nan ngộ, mê hoặc đảo kiến. Ngô thiết đương vị thuyết kỳ Kinh Pháp thùy khẳng tín thụ.

Chúng sinh khó tỉnh ngộ, mê hoặc nhìn thấy đảo lộn. Ta nghĩ sẽ vì nói Kinh Pháp đó, ai khẳng định tin nhận.

吾不如早取泥洹。於是梵天重復請曰：

Ngô bất như tảo thủ Nê-hoàn. Ư thị Phạm-thiên trùng phục thỉnh viết :

Không bằng Ta nhanh cầm lấy Thanh tịnh Niết Bàn. Khi đó Phạm Thiên lại một lần nữa thỉnh cầu nói rằng :

三界眾生為久在幽冥。億百千劫乃有佛耳。

Tam-giới chúng sinh vị cứu tại u minh. Ưc bách thiên Kiếp nãi hữu Phật nhĩ.

Chúng sinh của 3 Cõi giới, vì lâu dài ở trong u tối. Trăm triệu trăm nghìn Kiếp mới lại có Phật.

猶優曇鉢花時時乃有。佛亦難值。

Do Ưu-đàm-bát hoa thời thời nãi hữu. Phật diệc nan trực.

Như hoa Ưu Đàm Bát nhiều thời mới có. Phật cũng khó trực tiếp gặp.

唯願如來重加大哀。開寤愚癡願說經法。

Duy nguyện Như Lai trọng gia đại ai. Khai ngộ ngu si, nguyện thuyết Kinh Pháp.

Mong nguyện Như Lai coi trọng thêm thương xót lớn. Khai sáng ngu si, nguyện nói Kinh Pháp.

世尊往昔無數劫來。放捨身命頭目髓腦肌肉骨血。

Thế Tôn往昔 tích vô số Kiếp lai. Phóng xả thân mệnh đầu mục tủy não cơ nhục cốt huyết.

Thế Tôn từ vô số Kiếp xa xưa tới nay. Buông bỏ thân mệnh đầu mắt tủy não cơ thịt xương máu.

國城妻子施與一切。為眾生故起大弘誓。

Quốc thành thê tử Thí dữ nhất thiết. Vì chúng sinh cố khởi đại hoàng thệ.

Nước thành vợ con Bố thí ban cho tất cả. Cố vì chúng sinh sinh được thệ nguyện lớn.

當為眾生作大光明。乃昔過去無央數劫。

Đương vì chúng sinh tác đại Quang-minh.

Nãi tích Quá-khứ vô ương số Kiếp.

Đang vì chúng sinh làm Quang sáng lớn. Trở lại Quá khứ xa xưa, vô biên Kiếp số.

時閻浮提有大國王。名度閻那謝梨。

Thời Diêm-phù-đề hữu đại Quốc-vương.

Danh Độ-xà Na-tạ-lê.

Lúc đó Diêm Phù Đề có Quốc Vương lớn.

Tên là Độ Xà Na Tạ Lê.

慈仁勇猛端正第一。典主八萬四千諸國。

Từ nhân dũng mãnh đôn chính đệ nhất.

Diễn chủ bát vạn tứ thiên chư quốc.

**Nhân Từ dũng mãnh đoan chính bậc nhất.
Chúa mẫu mực 8 vạn 4 nghìn nước.**

其國豐盛人民安樂。爾時國王處於正殿坐自思惟。

**Kỳ quốc phong thịnh nhân dân an lạc. Nhĩ
thời Quốc-vương xử ư chính điện tọa tự tư
duy.**

**Nước đó giàu có thịnh vượng, nhân dân yên
vui. Khi đó Quốc Vương ngồi suy nghĩ ở trên
điện chính.**

夫人在世尊榮豪貴富樂自然。

**Phu nhân tại thế tôn vinh hào quý phú lạc tự
nhiên.**

**Phu nhân ở đời tôn vinh tài ba phú quý, sung
sướng tự nhiên.**

皆由先世施行眾善修習智慧。以是之故今致自然已得
自然。

**Giai do tiên thế Thí hành chúng thiện tu tập
Trí tuệ. Dĩ thị chi cố kim trí tự nhiên dĩ đắc
tự nhiên.**

**Đều do đời trước Bồ thí làm các thiện, tu tập
Trí tuệ. Vì thế ngày nay tự nhiên đem tới, tự
nhiên đạt được.**

迷惑色欲不惟非常。不知更紹來世之福。

Mê hoặc sắc dục bất duy phi thường. Bất tri cánh thiệu lai thế chi Phúc.

Mê hoặc dục sắc, không chỉ không bình thường. Không biết nối tiếp thêm Phúc cho đời sau.

猶如畜生飽食終日無所用心。

Do như Súc sinh bão thực chung nhật vô sử dụng tâm.

Giống như Súc sinh ăn no cuối ngày, tâm không được sử dụng.

夫爲智者唯當修習智慧正法日新之益。

Phu vi Trí giả, duy đương tu tập Trí tuệ Chính-pháp, nhật tân chi ích.

Chồng là người Trí tuệ, chỉ cần tu tập Trí tuệ Pháp đúng, ngày thêm mới mẻ và ích lợi.

作是思惟已便告傍臣。命請中有智慧者爲吾說法。

Tác thị tư duy dĩ tiện cáo bàng thần. Mệnh thỉnh trung hữu Trí tuệ giả vị Ngô thuyết Pháp.

Làm suy nghĩ đó xong liền bảo cận thần. Ra lệnh mời trong số người có Trí tuệ vì Ta nói Pháp.

我欲聞之。群臣受教遣使四出諸國。

Ngã dục văn chi. Quân thân thụ giáo khiến sứ tứ xuất chư quốc.

Ta muốn được nghe. Quân thân nhận lời dạy bảo, sai khiến sứ giả 4 hướng đi ra các nước.

命請聰明大智慧者。時有一婆羅門。學問廣博智慧第一。

Lệnh thỉnh thông minh đại Trí tuệ giả. Thời hữu nhất Bà-la-môn học vấn quảng bác Trí tuệ đệ nhất.

Lệnh mời người thông minh Trí tuệ lớn. Lúc đó có một Bà La Môn học vấn uyên bác Trí tuệ bậc nhất.

來應王命。群臣白王 :

今有婆羅門聰明博達來在門外。

Lai ứng Vương mệnh. Quân thân bạch Vương : Kim hữu Bà-la-môn thông minh bác đạt lai tại môn ngoại.

Tới theo mệnh lệnh của Vua. Quân thần báo cáo Vua : Nay có Bà La Môn. Thông minh uyên bác tới ở ngoài cửa.

王聞歡喜即出奉迎。頭面作禮施設寶座。供施甘饌食訖澡漱。

Vương văn hoan hỉ, tức xuất phụng nghênh. Đầu diện tác lễ Thí thiết bảo tọa. Cúng thí cam soạn thực cật táo thấu.

Vua nghe vui mừng, tức thì đi ra cung kính đón tiếp. Phục đất làm lễ mời ngồi lên tòa báu. Cúng thí tiệc ngon, ăn xong xúc miệng.

王語婆羅門言：久聞有德故遠相屈。

Vương ngữ Bà-la-môn ngôn : Cửu văn hữu Đức cố viễn tương khuất.

Vua bảo với Bà La Môn nói rằng : Từ lâu nghe nói có Đức do xa xôi khó gặp.

唯願大仙爲說經法。答言：我學以來積年勤苦。

Duy nguyện Đại tiên vị thuyết Kinh Pháp. Đáp ngôn : Ngã học dĩ lai tích niên cần khổ.

Chỉ mong Đại Tiên vì nói Kinh Pháp. Trả lời nói rằng : Ta học tới nay cần khổ lâu năm.

大王云何直爾欲聞。王語婆羅門言：

Đại Vương vân hà trực nhĩ dục văn. Vương ngữ Bà-la-môn ngôn :

Đại Vương vì sao trực tiếp muốn nghe điều đó. Vương bảo với Bà La Môn nói rằng :

欲須國城珍寶。隨意所欲悉當相給。答言：

Dục tu quốc thành trân bảo. Tùy ý sở dục tất đương tương cấp. Đáp ngôn :

Muốn cần có Nước, thành, châu báu. Tùy ý muốn được đều sẽ cung cấp : Trả lời nói rằng :

我亦不用珍寶國城妻子象馬。大王若能剝其身肉用作千燈。

Ngã diệc bất dụng trân bảo quốc thành thê tử tượng mã. Đại-vương nhược năng oan kỳ thân nhục dụng tác thiên đăng.

Ta cũng không dùng châu báu, Nước, thành, vợ con, voi ngựa. Đại Vương nếu có thể khoét thịt thân của ngài dùng làm nghìn ngọn đèn.

若能爾者當為說法。不能爾者經法難聞。

Nhược năng nhĩ giả đương vị thuyết Pháp. Bất năng nhĩ giả Kinh Pháp nan văn.

Nếu có thể như thế, sẽ vì nói Pháp. Không có thể như thế Kinh Pháp khó được nghe.

王自念言：無數劫來喪身叵計未曾爲法。

Vương tự niệm ngôn : Vô số Kiếp lai tang thân phả kế vị tăng vị Pháp.

Vua tự suy ngẫm nói rằng : Vô số Kiếp tới nay thân chết không thể tính toán, chưa từng vì Pháp.

今爲法故以身爲燈甚爲快善。

Kim vị Pháp cố dĩ thân vi đăng thậm vi khoái thiện.

Nay do vì Pháp dùng thân làm đèn, rất là vui thiện.

王大歡喜答婆羅門言：如汝所勅即當奉行不敢違命。

Vương đại hoan hỉ đáp Bà-la-môn ngôn : Như Nhữ sở sắc tức đương phụng hành bất cảm vi lệnh.

Vua rất vui mừng trả lời Bà La Môn nói rằng : Như yêu cầu của Ngài, tức thì cần cung kính thi hành, không dám ngược lại mệnh lệnh.

婆羅門言：能爾者大善。何時當爲？王復答言：

Bà-la-môn ngôn : Năng nhĩ giả đại thiện. Hà thời đương vi ? Vương phục đáp ngôn :

Bà La Môn nói rằng : Đại thiện có thể làm như thế. Lúc nào nên làm ? Vua lại trả lời nói rằng :

却後七日乃當爲之。王勅群臣告下諸國大王。

Khuốc hậu thất nhật nãi đương vi chi. Vương sắc quần thân cáo hạ chư quốc Đại Vương.

Lùi lại 7 ngày mới nên làm. Vua ra lệnh cho quần thân truyền xuống cho Đại Vương của các nước.

却後七日爲聞法故。當於身上而燃千燈。

Khuốc hậu thất nhật vị văn Pháp cố. Đương ư thân thượng nhi nhiên thiên đăng.

Sau 7 ngày nữa cố vì nghe Pháp. Đang ở trên thân mà đốt nghìn đèn.

諸欲來見王者。皆悉集於大國。

Chư dục lai kiến Vương giả. Giai tất tập ư Đại quốc.

Họ muốn tới nhìn thấy Vua. Tất cả đều tập trung ở Nước lớn.

羣臣受教同時遣使。下八萬四千諸國。

Quần thần thụ giáo đồng thời khiến sử. Hạ bát vạn tứ thiên chư quốc.

Quần thần nhận lệnh cùng lúc sai khiến sứ giả. Xuống 8 vạn 4 nghìn các nước.

大王却後七日當於身上而燃千燈。諸王臣民諸欲來見王者。

Đại-vương khước hậu thất nhật đương ư thân thượng nhi nhiên thiên đặng. Chư Vương thần dân chư dục lai kiến Vương giả.

Đại Vương sau đó 7 ngày, sẽ ở trên thân mà đốt nghìn đèn. Các quần thần nhân dân, ai muốn tới nhìn thấy Vua.

疾來馳至集於大國。當是之時諸王臣民。

Tật lai trì chí tập ư Đại quốc. Đương thị chi thời chư Vương thần dân.

Nhanh chóng chạy tới tập trung ở Nước lớn. Đúng thời gian đó các Vua thần dân.

聞之驚愕如喪父母。哀(口*畢)涕泣動閻浮提。

Văn chi kinh ngạc như tang phụ mẫu. Ai dịch thể khắp động Diêm-phù-đề.

Nghe thấy kinh ngạc như tang cha mẹ. Thương khóc rơi nước mắt chấn động Diêm Phù Đề.

諸王臣民悉來集會。王勅語傍臣。

Chư Vương thân dân tất lai tập hội. Vương sắc ngữ bàng thân.

Các Vua thân dân đều tới tập trung. Vua ra lệnh bảo cận thân.

於大廣博平坦之地設施座席。群臣奉命。

Ư đại quảng bác bình thản chi địa thiết thí tọa tịch. Quần thân phụng mệnh.

Ở nơi đất rộng lớn bằng phẳng làm một chỗ ngồi. Quần thân cung kính tuân lệnh.

即時於廣博地設施床座。

Tức thời ư quảng bác địa thiết thí sàng tọa.

Tức thời ở nơi đất rộng làm một giường ngồi.

時王飯已與諸夫人二萬嫪女一萬大臣導從前後。

Thời Vương phạn dĩ dĩ chư phu nhân nhị vạn nũ nhất vạn đại thân đạo tòng tiền hậu.

Lúc đó Vua ăn xong cùng với các phu nhân, 2 vạn cung nữ, 1 vạn đại thân, đưa dẫn trước sau.

王於座所王處正座。諸夫人嫔女及諸王群臣人民。

Vương ư tọa sở Vương xử chính tọa. Chư phu nhân cung nữ cập chư Vương quân thân nhân dân.

Vua ngồi ở trong tòa chính nơi ở của Vua. Các phu nhân cung nữ cùng với các Vua quân thân nhân dân.

皆悉同時腹拍王前。同聲白王言。

Giai tất đồng thời phúc phách Vương tiền.

Đồng thanh bạch Vương ngôn :

Tất cả đều cùng 1 lúc, ở trước Vua vỗ vào bụng. Cùng một âm thanh báo cáo Vua nói rằng :

唯願天王大慈大悲無量大哀。以我等故莫於身上而燃千燈。

Duy nguyện Thiên-vương Đại Từ Đại Bi vô lượng đại ai. Dĩ Ngã đẳng cố mạc ư thân thượng nhi nhiên thiên đăng.

Chỉ mong Thiên Vương Đại Từ Đại Bi, vô lượng thương xót. Cố vì chúng con đừng ở trên thân mà đốt nghìn đèn.

王答謝諸王臣民夫人婁女。吾從無央數劫。

Vương đáp tạ chư Vương thần dân phu nhân cung nữ. Ngô tông vô ương số Kiếp.

Vua trả lời cảm ơn các Vua thần dân phu nhân cung nữ. Ta từ vô biên Kiếp số tới nay.

五道生死壞身無數。未曾為法喪身命也。

Ngũ-đạo sinh tử hoại thân vô số. Vị tăng vị Pháp tang thân mệnh đã.

Sinh chết trong 5 Đạo, vô số thân hủy hoại. Cũng chưa từng vì Pháp mất thân mệnh.

今為法故以身作燈。持是功德用求佛道。

Kim vị Pháp cố dĩ thân tác đăng. Trì thị công Đức dụng cầu Phật đạo.

Nay do vì Pháp lấy thân này làm đèn. Dem công Đức đó dùng để cầu Đạo Phật.

普為十方無量眾生作大光明。除去眾生三毒癡冥。

Phổ vị thập phương vô lượng chúng sinh tác đại Quang-minh. Trừ khứ chúng sinh Tam-độc si minh.

Vì khắp cả vô lượng chúng sinh 10 phương, làm Quang sáng lớn. Trừ diệt ngu tối Tham lam, Thù hận, Ngu si của chúng sinh.

吾成佛時當爲汝等施慧光明照除生死。

Ngô thành Phật thời, đương vị Nhữ đẳng thí Tuệ Quang-minh, chiếu trừ sinh tử.

Khi Ta thành Phật, sẽ vì các vị ban cho Trí tuệ Quang sáng, chiếu soi trừ diệt sinh chết.

開涅槃門入安穩法。汝等莫却我無上道心。

Khai Niết-bàn môn nhập an ổn Pháp. Nhữ đẳng mạc khước Ngã Vô-thượng Đạo tâm.

Mở ra môn Niết Bàn thâm nhập vào Pháp yên ổn. Các vị đừng khước từ tâm Đạo Bình Đẳng của Ta.

時諸會者皆悉默然。

Thời chư hội giả giai tất mặc nhiên.

Lúc đó mọi người trong hội tất cả đều im lặng.

於是大王即便持刀授與左右。勅令剗身作千燈處。

Ư thị Đại-vương tức tiện trì đao thụ dữ tả hữu. Sắc lệnh oan thân tác thiên đăng xứ.

Khi đó Đại Vương tức thời liền cầm dao truyền cho cận vệ hai bên. Ra lệnh khoét thân làm chỗ cho 1 nghìn đèn.

出其身肉深如大錢以酥油灌中而作千燈。

Xuất kỳ thân nhục thâm như đại tiền dĩ tô du quán trung nhi tác thiên đăng.

Lấy thịt thân đó sâu như đồng tiền lớn dùng dầu bơ rót vào bên trong mà làm nghìn đèn.

安炷已訖語婆羅門言：先說經法然後燃燈。

An chú dĩ cật ngữ Bà-la-môn ngôn : Tiên thuyết Kinh Pháp nhiên hậu nhiên đăng.

Đèn đã yên vị xong bảo Bà La Môn nói rằng : Trước tiên nói Kinh Pháp sau đó đốt đèn.

而婆羅門。爲王唯說一偈言：

Nhi Bà-la-môn vị Vương duy thuyết nhất kệ ngôn :

Mà Bà La Môn vì Vua chỉ đọc 1 bài kệ nói rằng :

常者皆盡 高者亦墮

Thường giả giai tận. Cao giả diệt đọa.

Người thường đều hết. Người cao cũng rơi.

合會有離 生者有死

Hợp hội hữu ly. Sinh giả hữu tử.

Hợp lại có ly. Sinh ra có chết.

王聞偈已歡喜踊躍告諸群臣夫人婁女皆悉受誦。

**Vương văn kệ dĩ hoan hỉ dũng dục cáo chư
quần thân phu nhân cung nữ giai tất thụ
 tụng.**

**Vua nghe xong bài kệ vui mừng dũng mãnh,
bảo các quần thân phu nhân cung nữ, tất cả
đều nhận lấy tụng.**

即便疏偈題著諸門街陌里巷。

**Tức tiện số kệ đề trước chư môn nhai mạch
lý hạng.**

**Tức thời số kệ treo ở trên trước cửa, làng
xóm phố phường ngõ hẻm.**

勅諸人民皆令諷誦。下閻浮提諸王臣民亦令諷誦。

**Sắc chư nhân dân giai linh phúng tụng. Hạ
Diêm-phù-đề chư Vương thân dân diệc lệnh
phúng tụng.**

**Lệnh cho nhân dân đều tuân theo đọc to
tụng. Hạ lệnh xuống các Vua thân dân của
Diêm Phù Đề cũng tuân theo đọc to tụng.**

於是大王告婆羅門。今可燃燈。王便立誓。

Ư thị Đại Vương cáo Bà-la-môn. Kim khả
nhiên đặng. Vương tiện lập thệ.

**Khi đó Đại Vương bảo Bà La Môn. Hiện nay
có thể đốt đèn. Vua liền lập thệ nguyện.**

今爲法故以身爲燈。我不求作聖王上至天帝及諸天王

。

Kim vị Pháp cố dĩ thân vi đặng. Ngã bất câu
tác Thánh-vương thượng chí Thiên-đế cập
chư Thiên-vương.

**Nay do vì Pháp dùng thân làm đèn. Con
không cầu làm Thánh Vương, cao tới Ngọc
Hoàng, cùng với các Thiên Vương.**

世界榮樂亦不求二乘之證。持是功德願求無上正真之
道。

Thế giới vinh lạc diệc bất câu Nhị thừa chi
chứng. Trì thị công Đức nguyện cầu Vô-
thượng Chính-chân chi đạo.

**Vinh hoa sung sướng của Thế giới cũng
không cầu chứng quả La Hán Bích Chi Phật.
Đem công Đức này nguyện cầu Đạo Bình
Đẳng Chân chính.**

普爲十方五道眾生。作大法光明照於眾冥。

Phổ vị thập phương Ngũ-đạo chúng sinh. Tác đại Pháp Quang-minh chiếu ư chúng minh.

Vì khắp cả chúng sinh của 5 Đạo ở 10 phương. Làm Pháp Quang sáng lớn chiếu soi tới các chúng sinh.

爾時國王發是願已。即時三千大千世界六種震動。

Nhĩ thời Quốc-vương phát thị nguyện dĩ. Tức thời Tam-thiên Đại-thiên Thế-giới lục chủng chấn động.

Quốc Vương khi đó đã phát nguyện xong. Tức thời Ba nghìn Đại thiên Thế giới 6 loại chấn động.

上至首陀會天。一切宮殿皆悉震動。

Thượng chí Thủ-đà-hội Thiên. Nhất thiết cung điện giai tất chấn động.

Cao lên tới Trời Thủ Đà Hội. Tất cả cung điện, hết thấy đều chấn động.

時諸天人甚大惶怖。是何瑞應令地大動。

Thời chư Thiên Nhân thậm đại hoàng bố. Thị hà thụy ứng linh địa đại động.

Lúc đó các người Trời rất là hoảng sợ lớn. Đó là điềm báo gì làm cho đất chấn động lớn.

即以天眼觀閻浮提。見於菩薩爲於法故身燃千燈發於弘誓。

Tức dĩ Thiên nhân quan Diêm-phù-đề. Kiến ư Bồ-tát vị ư Pháp cố thân nhiên thiên đăng phát ư hoảng thệ.

Tức thì dùng mắt cõi Trời quan sát Diêm Phù Đề. Nhìn thấy Bồ Tát do vì Pháp thân đốt nghìn đèn phát thệ nguyện lớn.

是使爾耳。時諸天人皆悉來下而見菩薩身燃千燈。

Thị sử nhĩ nhĩ. Thời chư Thiên Nhân giai tất lai hạ nhi kiến Bồ-tát thân nhiên thiên đăng.

Hóa ra là như thế. Lúc đó người Trời tất cả đều hạ xuống mà nhìn thấy thân của Bồ Tát đốt 1 nghìn đèn.

無數諸天悲泣雨淚。時天帝釋住於王前讚言：善哉，善哉！

Vô số chư Thiên bi khắp vủ lệ. Thời Thiên-đế-thích trụ ư Vương tiền tán ngôn：Thiện tai, thiện tai！

Vô số các Trời Bi thương rơi lệ như mưa. Lúc đó Ngọc Hoàng Đế Thích ở trước Vua khen ngợi nói rằng : **Thiện thay, thiện thay !**

爲於法故不惜身命。欲求何等？菩薩答言：

Vị ư Pháp cố bất tích thân mệnh. Dục cầu hà đẳng ? **Bồ-tát** đáp ngôn :

Do cố vì Pháp không tiếc thân mệnh. Muốn cầu cái gì ? Bồ Tát trả lời nói rằng :

我亦不求轉輪聖王天帝魔王及梵天王。

Ngã diệc bất cầu Chuyển-luân Thánh-vương Thiên-đế Ma-vương cập Phạm-thiên Vương.

Con cũng không cầu làm Chuyển luân Thánh Vương, Ngọc Hoàng, Ma Vương cùng với Phạm Thiên Vương.

色聲香味亦不求羅漢辟支佛。持是功德用求無上正真之道。

Sắc thanh hương vị diệc bất cầu La-hán Bích Chi Phật. Trì thị công Đức dụng cầu Vô-thượng Chính-chân chi Đạo.

Sắc Thanh Hương Vị cũng không cầu La Hán, Bích Chi Phật. Dem công Đức này dùng để cầu Đạo Bình Đẳng Chân chính.

普爲十方無量眾生施慧光明。

Phổ vị thập phương vô lượng chúng sinh thí tuệ Quang-minh.

Vì khắp cả vô lượng chúng sinh 10 phương ban cho Trí tuệ Quang sáng.

照除眾生三毒癡冥。令離眾苦至泥洹安樂。

Chiếu trừ chúng sinh Tam-độc si minh. Linh ly chúng khổ chí Nê-hoàn an lạc.

Chiếu soi trừ diệt ngu tối 3 Độc của chúng sinh. Giúp cho rời bỏ các khổ tối được Thanh tịnh Niết Bàn yên vui.

時天帝釋復問王言：身燃千燈得無痛惱而有悔耶？

Thời Thiên-đế-thích phục vấn Vương ngôn : Thân nhiên thiên đăng đắc vô thống não nhi hữu hối da ?

Lúc đó Ngọc Hoàng lại hỏi Vua nói rằng : Thân đốt 1 nghìn đèn, được không có đau khổ Phiền não mà có hối hận không ?

王答天帝。不以爲痛亦無悔恨。天帝重問。

Vương đáp Thiên-đế. Bất dĩ vị thống diệc vô hối hận. Thiên-đế trùng vấn.

Vua trả lời Ngọc Hoàng. Không lấy làm đau đớn cũng không hối hận. Ngọc Hoàng hỏi lại lần nữa.

若無悔恨以何爲證？於是國王便自誓言：

Nhược vô hối hận dĩ hà vi chứng ? Ư thị Quốc-vương tiện tự thệ ngôn :

Nếu không hối hận lấy gì làm minh chứng ? Khi đó Quốc Vương liền tự thệ nguyện nói rằng :

而我今日爲於法故身燃千燈。

Nhi Ngã kim nhật vi ư Pháp cố thân nhiên thiên đăng.

Mà con ngày nay do cố vì Pháp thân đốt nghìn đèn.

持是功德用求無上正真之道。審當成佛者。

Trì thị công Đức dụng cầu Vô-thượng Chính-chân chi Đạo. Thẩm đương thành Phật giả.

Đem công Đức này dùng để cầu Đạo Bình Đẳng Chân Chính. Quả đúng là thành Phật.

千燈諸瘡即當除愈。身即平復無有瘡癩。

Thiên đăng chư sang tức đương trừ dĩ. Thân tức bình phục vô hữu sang ban.

Vết thương của nghìn đèn tức thời sẽ nhanh khỏi. Thân liền bình phục không có vết thương.

作是語已身即平復無復瘡癩。端正姝好過踰於前。

Tác thị ngữ dĩ thân tức bình phục vô phục sang ban. Đoan chính xu hảo quá du ư tiền.

Nói xong lời đó thân tức thì bình phục, vết thương lại cũng không có. Đoan chính tốt đẹp hơn cả trước kia.

時天帝釋無數諸天。國王群臣夫人嫫女無量庶民。

Thời Thiên-đế-thích vô số chư Thiên. Quốc-vương quần thần phu nhân cung nữ vô lượng thứ dân.

Lúc đó Ngọc Hoàng Đế Thích vô số các Trời. Quốc Vương quần thần phu nhân cung nữ vô lượng thường dân.

異口同音悉讚歎言：善哉，善哉！

Dị khẩu đồng âm tất tán thán ngôn：Thiện tai, thiện tai！

Khác người cùng âm tất cả đều ca ngợi nói rằng：Thiện thay, thiện thay！

歎未曾有歡喜踊躍。皆奉行十善之教。佛言：

Thán vị tăng hữu, hoan hỉ dũng dực. Giai phụng hành Thập thiện chi giáo. Phật ngôn :
**Ca ngợi chưa từng có, vui mừng dũng mãnh.
Đều cung kính thực hành giáo lý của 10
Nghịệp thiện. Phật nói rằng :**

爾時國王者則我身是。時婆羅門者調達是。

**Nhĩ thời Quốc-vương giả tức Ngã thân thị.
Thời Bà-la-môn giả Điều-đạt thị.**

**Khi đó Quốc Vương chắc chính là thân Ta.
Thời đó Bà La Môn là Điều Đạt.**

菩薩求習智慧精進如是。

Bồ-tát cầu tập Trí tuệ Tinh-tiến như thị.

Bồ Tát cầu tu tập Trí tuệ Tinh tiến như thế.

佛說菩薩本行經卷上

**Phật thuyết Bồ-tát Bản Hạnh Kinh quyển
thượng.**

**Phật nói Kinh Hạnh gốc của Bồ Tát quyển
đầu.**

丹藏以此卷爲下卷。以中爲上。以下爲中。

Đan Tạng dĩ thử quyển vi hạ quyển. Dĩ trung vi thượng. Dĩ hạ vi trung.

Tạng của người Đan dùng quyển này là quyển cuối. Lấy quyển giữa làm đầu. Lấy quyển cuối làm giữa.

今詳始末。丹藏錯耳。

Kim tường thủy mật. Đan tạng thác nhĩ.

Nay kể lại tử mĩ đầu đầu cuối. Tạng của người Đan bị sai.

=====

=====

TUÊ QUANG 慧光 FOUNDATION

<http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn

Hiển Trần Tiến Huyền Phiên Âm.

Phật Tử Bùi Đức Huê dịch 1/2012.

=====

=====